

(Kèm theo Quyết định số 2874/QĐ-TĐHHN ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKDCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ CHIẾN LƯỢC									
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa									
1	1.1	4/7	Khái niệm trường ĐH trọng điểm không phải là khái niệm, tên gọi và mô hình chính thức trong văn bản nhà nước. Trường nên sử dụng các khái niệm khác, hoặc nếu sử dụng thì nên có những giải thích và đưa ra các tiêu chí cụ thể hơn.	Rà soát, điều chỉnh và ban hành “Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi” phù hợp hơn.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý III/2023	Quyết định ban hành “Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi”	
2	1.2	4/7	Bổ sung nội dung phát triển bền vững là mục tiêu phát triển của Nhà trường.						
3	1.4	4/7	Trường cần quan tâm xây dựng các chỉ số, lượng hóa và đánh giá kết quả và hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi; kết hợp công bố tại các sự kiện của các bên liên quan để tiếp tục tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng.	Đánh giá kết quả tác động của các giá trị cốt lõi và được công bố công khai.	P.TCHC		Quý IV/2023	Các báo cáo tổng kết có thể hiện nội dung đánh giá kết quả tác động của giá trị cốt lõi.	
4	1.5	4/7	Nhà trường nên diễn đạt lại các nội dung trong sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, đồng thời bổ sung các nội hàm của CMCN 4.0 và biến đổi khí hậu, đặc biệt là các nội dung về đổi mới sáng tạo cho phù hợp với động lực phát triển của đất nước.	Rà soát, điều chỉnh và ban hành “Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi” phù hợp hơn.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý III/2023	Quyết định ban hành “Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi”	
Tiêu chuẩn 2. Quản trị									

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
5	2.2	4/7	Hệ thống quản trị cần có chủ động tổ chức thành một số chuyên đề, chủ đề hàng năm, hàng quý để công tác rà soát có tính mục tiêu, định hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động và gia tăng giá trị cho đơn vị một cách rõ ràng và chuyên nghiệp hơn.	Xây dựng kế hoạch công tác năm của các đơn vị và Nhà trường.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý I, Hàng năm	Quyết định ban hành kế hoạch công tác năm.	
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý									
6	3.1	4.7	Nhà trường cần bổ sung quy chế hoạt động của hội đồng, trong đó làm rõ các vai với 3 chức năng (đăng ủy viên) với (lãnh đạo trường, các trường phòng, khoa) với (ủy viên hội đồng). Bổ sung quy định chức năng nhiệm vụ phối hợp giữa Hội đồng - BGH; Hội đồng - Đảng ủy. Bổ sung quy định nhiệm vụ của BTV đảng ủy (gắn với nhiệm vụ trong BGH, trong Hội đồng cũng như vị trí chủ chốt khác) để tăng hiệu lực quản lý theo nguyên tắc của Đảng, tuân thủ pháp luật và phù hợp thực tiễn Nhà trường để tăng chức năng phân biện của thành viên HĐT.	Rà soát, điều chỉnh Quy chế phối hợp giữa ĐU, HĐT, BGH.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2023	Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của HĐT.	
7	3.2	4/7	Nhà trường cần triển khai các giải pháp nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của công tác truyền thông của mình, trong đó có truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, triết lý giáo dục và các mục tiêu chiến lược.	Xây dựng kế hoạch truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, triết lý giáo dục của Trường.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý I/2024	Kế hoạch truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, triết lý giáo dục.	(tích hợp vào cùng với Kế hoạch truyền thông hàng năm của Ban TT tại Tiêu chí 13.1)
8	3.4	4/7	Cần đánh giá tác động, hiệu quả của sự thay đổi khi cải tiến hệ thống văn bản quản lý, xây dựng	Kiểm toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự phù hợp.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024	Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
13	5.1	4/7	Nhà trường chưa có quy trình xây dựng các chính sách có chiều sâu, việc xây dựng các chính sách mới phải căn cứ vào các chủ trương, chính sách và pháp luật của nhà nước, chiến lược của Nhà trường, Nghị quyết của Đảng ủy...	Xây dựng quy định/quy trình/hướng dẫn xây dựng các chính sách.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024	Ban hành quy định/quy trình/hướng dẫn xây dựng các chính sách.	
14			Nhà trường cần có các giải pháp nâng cao hiệu quả việc xây dựng chính sách qua việc ban hành và áp dụng các bản hướng dẫn, tập huấn về việc xây dựng các chính sách.	Xây dựng kế hoạch tập huấn các chính sách.	P.TCHC	- P.ĐT; - P.KHCN&HTQT; - P.CTSV.	Quý II, Hàng năm	Kế hoạch tập huấn các chính sách.	
15			Triển khai tập huấn về việc xây dựng chính sách một cách đầy đủ.	Báo cáo kết quả tập huấn về việc xây dựng các chính sách: - Đào tạo (giao P.ĐT); - Nghiên cứu khoa học (giao P.KHCN&HTQT); - Phục vụ cộng đồng (giao P.TCHC).	Chủ trì thực hiện theo chức năng: - P.ĐT; - P.KHCN&HTQT; - P.TCHC (chủ trì tổng hợp).	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo kết quả tập huấn về việc xây dựng các chính sách.	
16	5.2	4/7	Cần xây dựng quy trình, hướng dẫn, tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả xã hội của các chính sách đang được thực hiện.	Rà soát, điều chỉnh quy định về giám sát việc thực hiện các chính sách.	P.TTGD&PC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quyết định ban hành quy định về giám sát thực hiện các chính sách.	
17	5.3	4/7	Nhà trường cần ban hành các quy định cụ thể về việc định kỳ rà soát và đánh giá hiệu quả của các chính sách, cơ chế thực hiện đánh giá tác động xã hội và mức độ hài lòng của các bên liên quan về các chính sách ĐT, NCKH và PVCD.	Định kỳ rà soát và đánh giá hiệu quả của các chính sách ĐT, NCKH và PVCD.	Chủ trì thực hiện theo chức năng: - P.ĐT; - P.KHCN&HTQT; - P.TCHC (chủ trì tổng hợp).	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo rà soát và đánh giá hiệu quả của các chính sách.	
18	5.4	4/7	Nhà trường cần có quy trình và hướng dẫn việc đánh giá tác động xã hội và hiệu quả KT-XH	Hướng dẫn việc đánh giá tác động xã hội và hiệu quả KT-XH của các chính sách.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại)	Ban hành quy định/quy trình/hướng dẫn xây dựng các	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>của các chính sách đã được ban hành, để có những điều chỉnh hay cần thiết phải thay đổi.</i>				soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	chính sách (trong đó có nội dung hướng dẫn việc đánh giá tác động xã hội và hiệu quả KT-XH của các chính sách).	
19			<i>Xây dựng bảng tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của những thay đổi trong chính sách</i>	Xây dựng bảng tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của những thay đổi trong chính sách	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024 (Định ký rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Ban hành quy định/quy trình/hướng dẫn xây dựng các chính sách (trong đó có gắn nội dung bảng tiêu chí).	
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực									
20	6.1	4/7	<i>Nhà trường cần có cơ chế và giải pháp đột phá trong khuyến khích GV nâng cao trình độ, đặc biệt là khuyến khích GV trẻ tham gia NCKH và đào tạo TS, thu hút và giữ chân đội ngũ GV cơ hữu có trình độ cao, đặc biệt là tại phân hiệu Thanh Hóa</i>	Xây dựng quy chế đào tạo bồi dưỡng để khuyến khích GV tham gia đào tạo, bồi dưỡng.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024	Nghị quyết rà soát, bổ sung chiến lược Trường.	
21			<i>Trường cần xây dựng KHCL thúc đẩy gia tăng tỷ lệ PGS, GS...</i>	Rà soát, điều chỉnh bổ sung chiến lược phát triển nhân lực của Trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024	Nghị quyết rà soát, bổ sung chiến lược phát triển nhân lực.	
22			<i>Rà soát tổng thể cơ cấu tổ chức, phân rõ chức năng các bộ phận và phân tích vị trí công việc, đặc biệt là nhân viên phục vụ để có giải pháp quy hoạch, đào tạo nâng cao tính chuyên nghiệp và giảm tỷ lệ lao động gián tiếp hơn nữa.</i>	Rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm để mô tả, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, từng vị trí công việc	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2025	Nghị quyết ban hành đề án vị trí việc làm.	
23			<i>Trường cần xây dựng và ban hành, công bố rộng rãi quy định, chính sách có tính đột phá và lâu dài để tuyển dụng và thu hút và giữ chân GV, cán bộ khoa học</i>	Rà soát, xây dựng quy định, tiêu chuẩn về tuyển dụng trong đó thể hiện được chính sách thu hút cán bộ, giảng viên có trình độ cao và bổ sung các tiêu chuẩn về tự do	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024 (Định ký rà soát lại, ít nhất 01	Ban hành quy định, tiêu chuẩn tuyển dụng theo vị trí việc làm của Trường.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>trình độ cao, đặc biệt là các chuyên gia trong và ngoài nước ở các lĩnh vực ưu tiên và đặc thù. Trường cần bổ sung các tiêu chuẩn về tự do học thuật trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự.</i>	học thuật trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự.			lần/02 năm)		
24	6.3	4/7	<i>Nhà trường cần rà soát, hoàn thiện và chi tiết hóa bản mô tả công việc và khung năng lực các vị trí việc làm để có các điều chỉnh cần thiết theo hướng chuyên môn hóa</i>	Rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm để mô tả, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, từng vị trí công việc	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2025	Nghị quyết ban hành đề án vị trí việc làm.	
25			<i>Trường cần có hướng dẫn các đơn vị đánh giá KPIs cho từng vị trí việc làm để tạo động lực và thúc đẩy gia tăng hiệu quả làm việc của CB, GV và người lao động</i>	Hoàn thiện hệ thống phần mềm KPIs	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV, Hàng năm	- Thông báo triển khai thực hiện phần mềm KPIs; - Kết quả thực hiện đánh giá theo KPIs (nếu có).	
26			<i>Trường cũng cần bổ sung các tiêu chí về vấn đề tự do, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong học thuật trong các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự; điều chỉnh các tiêu chuẩn năng lực trong tuyển dụng</i>	Rà soát, xây dựng quy định, tiêu chuẩn về tuyển dụng trong đó thể hiện được chính sách thu hút cán bộ, giảng viên có trình độ cao và bổ sung các tiêu chuẩn về tự do học thuật trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Ban hành quy định, tiêu chuẩn tuyển dụng theo vị trí việc làm.	
27	6.4	3/7	<i>Nhà trường cần xây dựng chi tiết kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên.</i>	Rà soát, điều chỉnh bổ sung chiến lược phát triển nhân lực của Trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024	Nghị quyết rà soát, bổ sung chiến lược phát triển nhân lực.	
28			<i>Triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo để có kế hoạch ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển nhân sự.</i>	Tiếp tục rà soát, thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo để có kế hoạch ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển nhân sự.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý I, Hàng năm	Báo cáo kết quả khảo sát đào tạo bồi dưỡng.	
29	6.5	3/7	<i>Nhà trường cần đưa ra các giải pháp kiểm soát cũng như có chế tài xử lý để thực hiện kế hoạch</i>	Rà soát, điều chỉnh bổ sung chiến lược phát triển nhân lực của Trường phù hợp với tầm nhìn, sứ	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2024	Nghị quyết rà soát, bổ sung chiến lược phát triển nhân lực	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>phát triển nhân sự đáp ứng mục tiêu chiến lược đã đề ra và yêu cầu triển khai tới từng cán bộ, GV.</i>	mạng và giá trị cốt lõi.					
30			<i>Xây dựng, ban hành hướng dẫn và tổ chức thực hiện đồng bộ việc quản trị, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc và hệ thống KPIs đã quy định.</i>	Hoàn thiện hệ thống phần mềm KPIs.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV, Hàng năm	Thông báo triển khai thực hiện phần mềm KPIs. Kết quả thực hiện việc quản trị, đánh giá thực hiện nhiệm vụ, hàng năm.	
31			<i>Có cơ chế đánh giá kết quả công việc của CBGV, nhân viên chi tiết hơn cho từng vị trí việc làm hàng tháng, hàng quý để kịp thời đãi ngộ theo hướng ghi nhận hiệu quả, cống hiến và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.</i>	Rà soát, xây dựng quy định về đánh giá thông qua kết quả công việc của CBNV	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại ít nhất 01 lần/02 năm)	Ban hành quy định về đánh giá thông qua kết quả công việc của CBNV.	
32			<i>Thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng của CBGV và nhân viên về khen thưởng, đãi ngộ để hoàn thiện, phù hợp với thực tế phát triển.</i>	Tiếp tục thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của CBGV và nhân viên về khen thưởng, đãi ngộ để hoàn thiện, phù hợp với thực tế phát triển	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của CBGV và NV.	
33			<i>Hiện nay CP đã ban hành Nghị định 111/2022/NĐCP quy định mới về việc ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp công lập, Nhà trường cần rà soát và chuyển đổi các lao động hợp đồng theo nghị định mới để đảm bảo đúng quy định của nhà nước.</i>	Tiến hành rà soát triển khai chuyển đổi hợp đồng lao động theo quy định mới	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV, Hàng năm	Hợp đồng lao động.	
34	6.6	4/7	<i>Nhà trường cần rà soát và có chính sách kịp thời thu hút nhân tài, khuyến khích, thúc đẩy GV trẻ học tập nâng cao trình độ và tham gia NCKH cũng như có những chế tài xử phạt nếu cán</i>	Rà soát, sửa đổi bổ sung Quy chế chỉ tiêu nội bộ.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý II, Hàng năm	Ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>bộ, GV không hoàn thành nhiệm vụ để đạt mục tiêu phát triển nhân lực chuyên nghiệp theo vị trí phù hợp với tình hình mới đáp ứng mục tiêu phát triển đến 2025 tầm nhìn đến 2035.</i>						
35	6.7	4/7	<i>Trường cần có những điều chỉnh có tính đột phá về chế độ, chính sách hỗ trợ cán bộ khoa học, GV trong đào tạo, phát triển chuyên môn và cơ chế đánh giá, đãi ngộ trong thực hiện quy hoạch nhằm thu hút, giữ chân nguồn nhân lực có trình độ cao; có cơ chế khuyến khích riêng cho đội ngũ cán bộ, GV trẻ tham gia đào tạo và NCKH để nâng cao năng lực đáp ứng mục tiêu phát triển nhân sự tới năm 2025 và tầm nhìn 2035.</i>	Rà soát, sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý II, Hàng năm	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.	
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất									
36	7.1	4/7	- Trường cần xây dựng lộ trình nâng dần tỷ lệ tự chủ, tiến tới tự chủ tài chính;	Xây dựng phương án tự chủ đến 2030.	P.KHTC	Các đơn vị trực thuộc	Quý I/2024	Quyết định ban hành lộ trình tự chủ tài chính đến năm 2030.	
37			- Hoàn thiện bộ chỉ số tài chính để có thể đánh giá đúng hiệu quả đầu tư tài chính hàng năm từ đó điều chỉnh chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn thu theo hướng đa dạng hóa, trong đó tập trung vào các hoạt động/lĩnh vực tiềm năng như: đào tạo chất lượng cao, bồi dưỡng ngắn hạn, tư vấn, CGCN môi trường, ... mà Nhà trường có thể mạnh;	Rà soát bộ chỉ số tài chính có tham khảo của các trường có uy tín trong nước đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của Trường.	P.KHTC	Các đơn vị trực thuộc	Quý I/2024 (Định kỳ rà soát lại ít nhất 01 lần/02 năm)	Quyết định ban hành bộ chỉ số tài chính đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính hàng năm.	
38			- Rà soát, cân đối nguồn thu, chi hợp lý cân đối giữa các cơ sở, đảm bảo ưu tiên nguồn lực cho phát triển năng lực NCKH của GV và SV; tăng cường hỗ trợ	Đưa cơ chế khuyến khích tăng nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học vào Chiến lược phát triển nguồn thu (do P.KHTC chủ trì).	P.KHCN&HTQT	- P.TCHC; - P.KHTC; - P.ĐT.	Quý I/2024 (Định kỳ rà soát lại ít nhất 01 lần/02 năm)	- Quyết định ban hành chế độ làm việc của giảng viên; - Chiến lược phát triển nguồn thu đã được hoàn thiện.	Ảnh xạ đến 18.2 và 25.1
39				Nghiên cứu tăng mức chi nhằm thúc đẩy hơn nữa hoạt động nghiên	P.KHCN&HTQT	- P.TCHC; - P.KHTC; - P.ĐT.	Quý II, Hàng năm	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>CGCN và thương mại hóa, tận dụng thế mạnh của Bộ TNMT.</i>	cứu khoa học của giảng viên và người học.					
40	7.2	4/7	<i>Trường cần có giải pháp nâng cấp không gian thư viện, khu tập thể thao, khu vui chơi giải trí và đảm bảo yêu cầu PCCC, đáp ứng quy mô đào tạo, NCKH và PVCD. Có cơ chế hỗ trợ đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho phân hiệu Thanh Hóa, bố trí các phòng thí nghiệm và trang thiết bị hiện đại đảm bảo an toàn môi trường và phòng chống cháy nổ.</i>	Thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp các tòa nhà A, B, C.	Tổ giám sát CSVC	- P.KHTC; - P.QTTB.	Theo hợp đồng đã ký kết	Theo hợp đồng đã ký kết.	
41				Triển khai kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, bổ sung, thay thế thiết bị thực hành, thí nghiệm.	P.QTTB	- P. KHTC; - Khoa/bộ môn có phòng thí nghiệm, thực hành.	Quý IV, Hàng năm	Đảm bảo số lượng thiết bị phục vụ thực hành thí nghiệm (bao gồm: số lượng, thuộc tính và danh mục kèm theo).	
42				Xây dựng dự án bổ sung trang thiết bị thực hành.	P.QTTB	- P. KHTC; - Khoa/bộ môn có phòng thí nghiệm, thực hành.	Quý IV/2024	Danh mục dụng cụ/trang thiết bị thí nghiệm được bổ sung.	
43				Rà soát và lắp đặt thiết bị PCCC tại Thư viện.	P.QTTB	- P. KHTC; - TT.TV&CNTT.	Quý IV/2023	Danh mục trang thiết bị đảm bảo yêu cầu PCCC.	
44	7.3	4/7	- Nhà trường cần đẩy nhanh để án chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng CNTT hơn nữa vào hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD; - Xây dựng hệ thống quản lý và tổ chức đào tạo trực tuyến LMS và hệ thống quản trị Nhà trường hướng tới mô hình đại học thông minh; - Hoàn thiện quy định về đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính cho hạ tầng mạng và thiết bị CNTT; - Tăng cường bảo trì và có kế hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT cho các cơ sở ngoài Hà Nội.	Rà soát đề án chuyển đổi số, xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi số hàng năm.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý I, Hàng năm	- Kế hoạch chuyển đổi số toàn diện Nhà trường;	
45							Quý IV, Hàng năm	- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch.	
46				Xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống LMS.	TT.TV&CNTT	- Khoa/Bộ môn; - P.ĐT.	Giai đoạn 2023-2025	Mình chứng triển khai xây dựng Hệ thống LMS.	
47				Nghiem thu đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm QLĐT theo hướng quản trị đại học thông minh.	TT.TV&CNTT	- Các phòng chức năng; - TT. TV&CNTT.	Theo hợp đồng đã ký kết	Theo hợp đồng đã ký kết.	
48				Hoàn thiện quy định về đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính, trong đó có hướng dẫn đối với nội dung cho hạ tầng mạng và thiết bị CNTT. (thực hiện đồng bộ với việc Rà soát bộ chỉ số tài chính đánh giá	P.KHTC	- P.QTTB; - TT.TV&CNTT.	Quý I/2024 (Định kỳ rà soát lại ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định về đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính (thực hiện đồng bộ với việc Rà soát bộ chỉ số tài chính đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính hàng năm).	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
49				hiệu quả đầu tư tài chính hàng năm).					
50				Thực hiện kế hoạch bảo trì Hệ thống máy chủ tại cơ sở chính.	TT.TV&CNTT	- P.QTTB; - P.KHTC.	Theo hợp đồng đã ký kết	Theo hợp đồng đã ký kết.	
51				Thực hiện rà soát hiện trạng cơ sở hạ tầng CNTT tại cơ sở chính.	TT.TV&CNTT	- P.QTTB.	Thường xuyên	Báo cáo/Biên bản kỹ thuật xác nhận thực hiện rà soát hiện trạng cơ sở hạ tầng CNTT.	
52				Xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống LMS.	TT.TV&CNTT	- Khoa/Bộ môn; - P.ĐT.	Giai đoạn 2023-2025	Mình chứng triển khai xây dựng Hệ thống LMS.	
53				Tăng cường số hóa tài liệu	TT.TV&CNTT	- Khoa/Bộ môn; - P.ĐT.	Thường xuyên	Tài liệu số hóa đưa vào sử dụng (có danh mục kèm theo).	Độc file tại Cổng thông tin hoặc Mạng nội bộ.
54				Mua bổ sung sách giáo trình, tài liệu tham khảo; mua quyền truy cập CSDL điện tử.	TT.TV&CNTT	- Khoa/Bộ môn; - P.KHTC; - P.ĐT.	Thường xuyên 2-3 đợt/năm với TL giấy Hàng năm với CSDL điện tử.	Tài liệu lưu thông phục vụ bạn đọc (có danh mục kèm theo).	Sử dụng tại Phòng Đọc – Mượn.
55				Xuất bản giáo trình đã được Nhà trường nghiệm thu.	TT.TV&CNTT	- Khoa/Bộ môn; - P.KHCN&HTQT; - P.KHTC; - P.ĐT.	Theo hợp đồng đã ký kết	Danh mục giáo trình đã xuất bản.	
56				Nâng cấp phần mềm Thư viện số	TT.TV&CNTT	P. KHTC	Giai đoạn 2023-2024	Thư viện số đưa vào sử dụng	Dùng song song với Cổng thông tin.
57				Tăng cường truyền thông, trao đổi thông tin với bạn đọc	TT.TV&CNTT	Khoa/Bộ môn	Thường xuyên	- Sổ/Nhật ký theo dõi tần suất phòng đọc, mượn/trả tài liệu; - Ý kiến khảo sát NH về chất lượng phục vụ	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
								tại Thư viện/trên cổng TTTV; - Ý kiến trao đổi của NH tại các HN đối thoại thông tin (Biên bản HN);		
57	7.5	3/7	- Nhà trường cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đáp ứng khả năng tiếp cận đối với những người có nhu cầu đặc biệt; - Rà soát các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường tại các khu vực phòng thí nghiệm, khu vệ sinh... để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho CBGV và người học; - Tăng cường kiểm tra, sửa chữa, thay thế và bổ sung thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy đủ tiêu chuẩn và sắp xếp thuận tiện hơn tại các khu vực để đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy; - Quan tâm bổ sung các phương tiện hỗ trợ người khuyết tật phù hợp khi sửa chữa, cải tạo.	Tăng cường rà soát công tác vệ sinh môi trường tại các khu vực phòng thí nghiệm, khu vệ sinh.	P.QTTB	- Khoa/bộ môn có phòng thí nghiệm, thực hành; - P.CTSV.	Thường xuyên	- Ý kiến trao đổi của NH tại các HN đối thoại thông tin (Biên bản HN); - Các hợp đồng công tác vệ sinh môi trường.		
58				Rà soát hiện trạng hệ thống thiết bị PCCC.	P.QTTB	Các đơn vị trực thuộc Trường	Định kỳ (theo quy định an toàn PCCC)	Báo cáo hiện trạng hệ thống thiết bị PCCC.		
59				Lập kế hoạch và thực hiện sửa chữa, thay thế, bổ sung thiết bị PCCC.	P.QTTB	Các đơn vị trực thuộc Trường	Định kỳ (theo quy định an toàn PCCC)	- Hệ thống thiết bị PCCC đảm bảo yêu cầu; - Báo cáo hiện trạng hệ thống thiết bị PCCC.		
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại										
60	8.1	4/7	Nên có quy định cụ thể bộ phận đầu mối phụ trách hoạt động đối ngoại (trong nước và quốc tế).	Quy định cụ thể trong chức năng nhiệm vụ của Phòng KHCN&HTQT	P.TCHC	P.KHCN&HTQT	Quý IV/2024	Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Phòng.		
61				Xây dựng và ban hành các chính sách, thực hiện các hoạt động hợp tác đối tác trong ĐT, NCKH, CGCN phù hợp để hướng đến đáp ứng sứ mạng và tầm nhìn của Trường.	Xây dựng và ban hành quy định quản lý các hoạt động hợp tác phát triển trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Nhà trường.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quyết định ban hành Quy định quản lý các hoạt động hợp tác phát triển của Trường	
62				Chưa có các chương trình liên kết với các CSGD của nước ngoài.	Phát triển chương trình liên kết với đối tác truyền thống của Trường.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2027	Quyết định phê duyệt chương trình liên kết 2+2	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HDKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
63			<i>Chưa có các chỉ số liên quan đến các Hợp tác trong đào tạo; Dự án HTQT.</i>	Xây dựng các chỉ số hợp tác trong đào tạo, HTQT.	P.KHCN&HTQT	P.ĐT	Quý IV/2025 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Bộ chỉ số về hoạt động HTQT,	
64			<i>Chưa có hướng dẫn cụ thể để minh bạch hóa các quy định tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV trong quá trình thực hiện các hoạt động đối ngoại.</i>	Xây dựng quy trình thực hiện các hoạt động đối ngoại trong Quy định quản lý hoạt động hợp tác phát triển của Trường.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quyết định ban hành Quy định quản lý các hoạt động hợp tác phát triển của Trường	
65			<i>Chưa phổ biến hệ thống các văn bản quản lý, các quy định, hướng dẫn đối với đoàn ra, đoàn vào,...</i>	Phổ biến các văn bản, quy định, hướng dẫn trên website mục Hợp tác quốc tế.	P.KHCN&HTQT		Thường xuyên	Cập nhật các văn bản, quy định trên website mục Hợp tác quốc tế.	
66	8.2	4/7	<i>Nhà trường cần sớm xây dựng và ban hành các chính sách cụ thể để thúc đẩy hơn nữa các hoạt động đối ngoại, các mạng lưới và các đối tác trong nước, quốc tế, đặc biệt là các đối tác là các khu công nghiệp, các trường ĐH, các tổ chức phi chính phủ. Nên có chính sách và cơ chế tận dụng, phát huy mối quan hệ hợp tác giữa các GV của Trường với các đối tác quốc tế.</i>	Ban hành các chính sách trong hoạt động đối ngoại, mạng lưới hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quyết định ban hành Quy định quản lý các hoạt động hợp tác phát triển của Trường.	
67			<i>Xây dựng chính sách, tìm kiếm các đối tác thực hiện các chương trình đào tạo liên kết, trao đổi GV, trao đổi SV nhằm gia tăng học thuật, chuyên môn.</i>	Ban hành chính sách khuyến khích khen thưởng đối với các cá nhân tích cực tham gia các hoạt động hợp tác trong hoạt động giảng dạy, NCKH trong quy chế chi tiêu nội bộ.	P.KHCN&HTQT	P.TCHC	Quý II/2024 Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy chế chi tiêu nội bộ. Quy định quản lý hoạt động KHCN.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
68			<i>Cần có các quy định và hướng dẫn cụ thể để khuyến khích các đơn vị, cá nhân tham gia các hoạt động đối ngoại trong và ngoài nước (nên có chính sách và cơ chế tận dụng, phát huy mối quan hệ hợp tác giữa các GV của Trường với các đối tác quốc tế).</i>	Quy định và hướng dẫn cụ thể trong hoạt động đối ngoại, mạng lưới hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý các hoạt động hợp tác phát triển của Trường.	
69	8.3	4/7	<i>Nhà trường cần tổ chức rà soát tổng thể hoạt động hợp tác đối ngoại trên cơ sở tham chiếu đầy đủ sứ mạng và tầm nhìn của Trường, trên cơ sở đó hoàn thiện cơ cấu, nhân sự phụ trách công tác đối ngoại.</i>	Căn cứ vào sứ mạng và tầm nhìn của Trường, rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của Phòng	P.TCHC	P.KHCN&HTQT	Quý IV/2024	Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Phòng.	
70			<i>Xây dựng bộ chỉ số KPIs trên cơ sở đối sánh với các CSGD có uy tín trong khu vực ASEAN để thiết lập các chỉ số phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và nguồn lực của Trường.</i>	Đề xuất xây dựng bộ chỉ số KPIs trên cơ sở đối sánh với các CSGD có uy tín trong khu vực phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và nguồn lực của Trường	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024	Bộ chỉ số KPIs về KHCN	
71	8.4	4/7	<i>Cần định kỳ rà soát một cách thực chất kết quả các hoạt động đối ngoại, bao gồm hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế, trong đó cần tham chiếu đầy đủ sứ mạng, tầm nhìn của Trường.</i>	Bổ sung nội dung về kết quả của hoạt động đối ngoại trên cơ sở tham chiếu sứ mạng, tầm nhìn của chiến lược phát triển Trường đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.	P.KHCN&HTQT	P.TCHC	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo 6 tháng; báo cáo tổng kết hàng năm.	

II. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ HỆ THỐNG

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

72	9.1	5/7	<i>Nhà trường cần rà soát và đảm bảo sự đồng bộ về mục tiêu, chỉ số, giải pháp phát triển nêu tại Chiến lược phát triển Nhà trường và Chiến lược hoạt động ĐBCLGD.</i>	Nhà trường cần rà soát và đảm bảo sự đồng bộ về mục tiêu, chỉ số, giải pháp phát triển nêu tại Chiến lược phát triển Nhà trường.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV, Hàng năm	Chiến lược phát triển Nhà trường sau điều chỉnh (nếu có)	
73			<i>Nhà trường cần rà soát và đảm bảo sự đồng bộ về mục tiêu, chỉ số, giải pháp phát triển nêu tại Chiến lược hoạt động ĐBCLGD.</i>	Nhà trường cần rà soát và đảm bảo sự đồng bộ về mục tiêu, chỉ số, giải pháp phát triển nêu tại Chiến lược hoạt động ĐBCLGD.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV, Hàng năm	Chiến lược hoạt động ĐBCLGD sau điều chỉnh (nếu có)	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
74	9.2	4/7	<i>Chiến lược ĐBCLGD cần tăng cường các giải pháp đảm bảo chất lượng các mặt hoạt động (đào tạo, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng) chứ không chỉ giới hạn ở hoạt động (mang tính chất chuyên môn, nghiệp vụ) về công tác đảm bảo chất lượng.</i>	Rà soát các giải pháp thực hiện Chiến lược hoạt động Đào tạo.	P.ĐT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV, Hàng năm	Chiến lược hoạt động Đào tạo sau điều chỉnh (nếu có).	
75				Rà soát các giải pháp thực hiện Chiến lược hoạt động NCKH.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV, Hàng năm	Chiến lược hoạt động NCKH sau điều chỉnh (nếu có)	
76				Rà soát các giải pháp thực hiện Chiến lược hoạt động Phục vụ cộng đồng.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV, Hàng năm	Chiến lược hoạt động Phục vụ cộng đồng sau điều chỉnh (nếu có)	
77			<i>Xây dựng văn bản quy định và hướng dẫn xây dựng, triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng hậu kiểm định để các bên liên quan có căn cứ và nguồn lực thực hiện một cách hiệu quả.</i>	Rà soát, điều chỉnh Quy định hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục theo hướng bổ sung các điều, khoản về hướng dẫn xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hậu kiểm định.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc	Tháng 9/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định hoạt động ĐBCLGD sau điều chỉnh	
78			<i>Cần có kế hoạch cụ thể để thực hiện mục tiêu từ nay đến 2025 nêu trong các Chiến lược phát triển: hằng năm có từ 5-10 cán bộ được cử đi học lớp kiểm định viên và có ít nhất 2 người được cấp thẻ kiểm định viên (hiện tại toàn trường chỉ có 1 người có thẻ KĐV và 9 người đã học lớp KĐV).</i>	Cử cán bộ tham gia các khoá bồi dưỡng, tập huấn về ĐBCLGD và Kiểm định chất lượng giáo dục 5-10 cán bộ/năm.	P.TCHC	P.KT&ĐBCLGD	Quý IV, Hàng năm	Quyết định cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng	
79				Cử cán bộ đã có Chứng chỉ kiểm định viên tham gia các kỳ thi Kiểm định viên của Bộ GDĐT.	P.TCHC	P.KT&ĐBCLGD	Theo Thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có)	Thẻ kiểm định viên	
80	9.2	4/7	<i>Nhà trường cần chú trọng hoạt động hậu kiểm và cải tiến chất lượng trong kế hoạch ĐBCL theo giai đoạn và hằng năm.</i>	Xây dựng các kế hoạch cải tiến, thực hiện báo cáo hàng năm và giữa kỳ đối với hoạt động cải tiến sau đánh giá ngoài CSGD.	P.KT&ĐBCLGD	Các Phòng, Trung tâm	Theo thời điểm đánh giá ngoài; Tháng 12, Hàng năm	Kế hoạch, Báo cáo cải tiến chất lượng	
81				Xây dựng các kế hoạch cải tiến, thực hiện báo cáo hàng năm và giữa kỳ đối với hoạt động cải tiến sau đánh giá ngoài CTĐT	Khoa/ Bộ môn quản lý CTĐT	Các Phòng, Trung tâm	Theo thời điểm đánh giá ngoài; Tháng 12, Hàng năm	Kế hoạch, Báo cáo cải tiến chất lượng	
82			<i>Hoàn thiện cơ chế, chính sách, chế độ cho cán bộ tham gia công</i>	Xây dựng và hoàn thiện các quy định, bổ sung các chính sách, chế	P.KT&ĐBCLGD	P.TCHC	Tháng 9/2023	Quy định về hoạt động ĐBCLGD sau điều chỉnh	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>tác ĐBCLGD ở các cấp độ khác nhau</i>	độ đãi ngộ đối với cán bộ tham gia vào công tác ĐBCLGD			(Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)		
83				Bổ sung các chính sách, chế độ cho cán bộ tham gia công tác ĐBCLGD vào Quy chế chi tiêu nội bộ.	P.TCHC	P.KT&ĐBCLGD	Quý II/2024	Quy chế chi tiêu nội bộ sau điều chỉnh.	
84	9.3	4/7	<i>Nhà trường cần thiết lập các chỉ tiêu về ĐBCL và giải pháp về công tác đảm bảo chất lượng nêu trong Chiến lược phát triển Trường cần được cụ thể hoá và phản ánh trong các kế hoạch hằng năm theo từng lĩnh vực (đào tạo, KHCN, phát triển cộng đồng)</i>	Xây dựng các kế hoạch ĐBCLGD hằng năm.	P.KT&ĐBCLGD	Các Phòng, Trung tâm	Tháng 01, Hàng năm	Kế hoạch ĐBCLGD.	
85	9.4	4/7	<i>Nhà trường cần xây dựng giải pháp tích hợp các hệ thống thông tin để phục vụ việc ra quyết định quản trị một cách hiệu quả.</i>	Xây dựng Báo cáo ĐBCLGD và Báo cáo kết quả quản lý hệ thống thông tin ĐBCLGD bên trong	P.KT&ĐBCLGD	Các Phòng, Trung tâm	Tháng 12, Hàng năm	Báo cáo ĐBCLGD và Báo cáo kết quả quản lý hệ thống thông tin ĐBCLGD bên trong	
86	9.5	4/7	<i>Nhà trường cần rà soát để đảm bảo sự tương thích cao giữa các chỉ tiêu về ĐBCL nêu trong Chiến lược phát triển Trường với các chỉ số của Bộ chỉ tiêu phần đầu chính trong lĩnh vực ĐBCL. Xem xét lựa chọn những chỉ số tiêu biểu nhất, gắn với kết quả đầu ra của công tác ĐBCL hơn là quy trình. Xác lập chỉ số theo từng năm để thuận tiện cho việc theo dõi, đo lường, đánh giá.</i>	Rà soát Bộ chỉ tiêu phần đầu chính lĩnh vực ĐBCLGD (bóc tách theo từng năm)	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc	Quý I/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Bộ chỉ tiêu phần đầu chính lĩnh vực ĐBCLGD.	
87	9.6	4/7	<i>Nhà trường xem xét thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả quy trình lập kế hoạch các hoạt động, xây dựng các bộ chỉ số thực hiện</i>	Rà soát Quy trình lập kế hoạch các hoạt động của Nhà trường	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc	Quý I/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít	Quy trình lập kế hoạch các hoạt động của Nhà trường.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			chính và chỉ tiêu phấn đấu để đo lường, đánh giá kết quả, đảm bảo đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Nhà trường.				nhất 01 lần/02 năm)		
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài									
88	10.1	4/7	Nhà trường cần xây dựng quy định về văn hoá chất lượng của Trường, trong đó quy định nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của các bên liên quan trong việc tạo lập văn hoá chất lượng nói chung và ĐBCL bền vững tại trường.	Xây dựng quy định về văn hoá chất lượng của Trường.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc	Quý III/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Văn bản ban hành quy định về văn hoá chất lượng của Trường.	
89			Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu ĐBCL bên trong, ứng dụng chuyển đổi số trong công tác ĐBCL và KĐCL.	Đưa vào khai thác và vận hành thử nghiệm phần mềm hệ thống quản lý thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong của cơ sở đào tạo đại học trực thuộc Bộ TNMT, thử nghiệm tại Trường (CS.2022.10).	P.KT&ĐBCLGD	Ông Nguyễn Ngọc Khải	Giai đoạn 2023-2025	- Hiện thị các báo cáo TĐG dạng dashboard nhằm giúp các đơn vị trực thuộc Trường dễ dàng quản lý, giám sát các hoạt động ĐBCL; - Giao diện phần mềm.	
90				Tiếp tục thực hiện khai báo các thông tin ĐBCL và KĐCL trên công thông tin phần mềm SAHEP của Bộ GDĐT.	P.KT&ĐBCLGD	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Thường xuyên	Bản trích xuất kê khai thông tin đã khai báo trên phần mềm SAHEP.	
91	10.2	5/7	Nhà trường cần xây dựng kế hoạch và chuẩn bị điều kiện để thực hiện KĐCL hệ thạc sĩ. Xem xét phương án triển khai KĐCL quốc tế cho một số CTĐT trọng điểm, mũi nhọn.	Xây dựng và ban hành kế hoạch KĐCL hệ đào tạo trình độ thạc sĩ.	P.KT&ĐBCLGD	Khoa Môi trường	Quý IV/2023	Kế hoạch chuẩn bị thực hiện KĐCL đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học Môi trường.	
92				Tiếp cận và nghiên cứu phương án triển khai KĐCL quốc tế cho một số CTĐT trọng điểm, mũi nhọn.	P.KT&ĐBCLGD	- P.KHCN&HTQT; - P.ĐT; - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Giai đoạn 2025-2028	Kế hoạch triển khai viết Báo cáo tự đánh giá chất lượng theo chuẩn khu vực của một số CTĐT trọng điểm, mũi nhọn.	
93			Hoàn thiện cơ chế, chính sách cho cán bộ tham gia công tác ĐBCLGD.	Bổ sung một số chế độ làm việc có tính khích lệ đối với cán bộ tham gia công tác ĐBCLGD vào Quy chế chi tiêu nội bộ.	P.KT&ĐBCLGD	- P.TCHC; - P.KHTC.	Quý II, Hàng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật nội dung này.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
94	10.4	5/7	Nhà trường cần cập nhật nội dung về Quy trình thực hiện công tác chuẩn bị đánh giá ngoài cấp CTĐT trong Sổ tay TĐG CTĐT.	Rà soát Sổ tay TĐG cấp CTĐT, trong đó có cập nhật Quy trình thực hiện công tác chuẩn bị ĐGN.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc	Quý III/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Ban hành phiên bản Sổ tay TĐG cấp CTĐT, trong đó có cập nhật Quy trình thực hiện công tác chuẩn bị ĐGN.	
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong									
95	11.1	4/7	Nhà trường chưa có kế hoạch xây dựng hệ thống phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác ĐBCL và KĐCL. Do vậy, Nhà trường cần xây dựng kế hoạch số hóa đồng bộ các hệ thống và phát triển phân hệ thông tin đảm bảo chất lượng.	Xây dựng hệ thống phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác ĐBCL.	TT.TV&CNTT	P.KT&ĐBCLGD	Quý IV/2025	Phần mềm Đảm bảo chất lượng giáo dục.	
96	11.2	3/7	Nhà trường chưa có giải pháp phần mềm chuyên dụng cho quản lý thông tin và nghiệp vụ đảm bảo chất lượng, do đó việc trích xuất dữ liệu phục vụ ra quyết định quản lý thường phải trải qua nhiều khâu tổng hợp khác nhau. Nhà trường chưa sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) để phục vụ đào tạo và quản lý thông tin, hoạt động học tập của người học.	Xây dựng hệ thống phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác ĐBCL.	TT.TV&CNTT	P.KT&ĐBCLGD	Quý IV/2025	Phần mềm Đảm bảo chất lượng giáo dục.	
97				Ứng dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS.	TT.TV&CNTT	- P.ĐT; - Các khoa/bộ môn.	Giai đoạn 2023-2025	Hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS.	
98	11.3	4/7	Tính đồng bộ và kết nối giữa các phân hệ thông tin ĐBCL bên trong chưa cao. Do vậy, Nhà trường cần sớm triển khai giải pháp đồng bộ hóa dữ liệu từ các hệ thống phần mềm nghiệp vụ hiện có.	Xây dựng hệ thống phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác ĐBCL.	TT.TV&CNTT	P.KT&ĐBCLGD	Quý IV/2025	Phần mềm Đảm bảo chất lượng giáo dục.	
99				Hoàn thiện hệ thống phần mềm quản trị đại học thông minh.	TT.TV&CNTT	Các đơn vị trực thuộc.	Theo hợp đồng đã ký.	Hệ thống quản trị đại học thông minh.	
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng									
100	12.1	4/7	Nhà trường xem xét xây dựng và ban hành các chỉ số đánh giá KPIs về hiệu quả và mức độ cải	Rà soát, xây dựng ban hành các chỉ số đánh giá KPIs về hiệu quả và mức độ cải tiến chất lượng các	P.TCHC	- P.ĐT; - P.KHCN&HTQT.	Quý III/2024	Ban hành các chỉ số đánh giá KPIs về hiệu	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>tiến chất lượng các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ.</i>	chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ.			(Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	quả và mức độ cải tiến chất lượng các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ.	
101	12.2	4/7	<i>Nhà trường xem xét quy định cụ thể các lĩnh vực đối sánh khi triển khai các hoạt động hợp tác với các CSGD trong và ngoài nước.</i>	Rà soát, ban hành điều chỉnh quy định so chuẩn đối sánh.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc.	Quý III/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Ban hành điều chỉnh quy định so chuẩn đối sánh.	
102	12.3	4/7	<i>Nhà trường căn cứ các phân tích, nghiên cứu kết quả so chuẩn - đối sánh sâu hơn để xây dựng các giải pháp và kế hoạch thúc đẩy, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.</i>	Tham gia hệ thống xếp hạng trong nước và quốc tế để cải tiến chất lượng, hướng đến đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn của Trường đến 2035.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV/2023	Chứng nhận tham gia xếp hạng, gắn sao.	
103	12.4	4/7	<i>Nhà trường cần tiến hành tham khảo, so sánh các tiêu chí đối sánh của các CSGD khác để lựa chọn, xác định thang đo chuẩn trong các lần cập nhật Quy định so chuẩn và đối sánh về sau.</i>	Rà soát, ban hành điều chỉnh quy định so chuẩn đối sánh.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc.	Quý III/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	- Ban hành điều chỉnh quy định so chuẩn đối sánh; - Báo cáo so chuẩn, đối sánh hàng năm của từng lĩnh vực (ĐT, NCKH, PVCĐ) phải có đánh giá hiệu quả của việc cải tiến khi đã sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh.	
104	12.5	4/7	<i>Cần có báo cáo đánh giá hiệu quả của việc cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh đối với kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Trường.</i>	Xây dựng kế hoạch cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh đối với kết quả ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc.			

III. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

105	13.1	4/7	<i>Nhà trường cần có chính sách đột phá để thu hút thí sinh nhất là thí sinh khá và giỏi đăng ký xét tuyển vào học các CTĐT của Nhà trường; đổi mới công tác truyền</i>	Tăng cường trong công tác truyền thông tuyển sinh trên nhiều nền tảng để thí sinh hiểu rõ về trường, hiểu về từng ngành nghề lĩnh vực,	Ban TT&TVTS	- P.ĐT; - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý I, Hàng năm	Kế hoạch truyền thông hàng năm.	
-----	------	-----	---	--	-------------	--	--------------------	---------------------------------	--

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			thông tuyển sinh cả về nội dung lẫn phương thức để thí sinh hiểu rõ hơn về ngành nghề đào tạo của Nhà trường, đặc biệt là những ngành đặc thù, ngành mới.	đặc biệt là những ngành đặc thù, ngành mới.					
106			Trong quá trình xây dựng đề án tuyển sinh, Nhà trường cần tham khảo rộng rãi ý kiến của các bên liên quan, các chính sách phát triển và nhu cầu của xã hội có liên quan đến các CTĐT để xây dựng đề án tuyển sinh.	Tham khảo rộng rãi ý kiến của các bên liên quan, các chính sách phát triển và nhu cầu của xã hội có liên quan đến các CTĐT để xây dựng đề án tuyển sinh.	P.ĐT	Các đơn vị trực thuộc.	Quý I, Hàng năm	Đề án tuyển sinh	
107			Cần phân tích đa chiều kết quả tuyển sinh để điều chỉnh chính sách tuyển sinh, đảm bảo tuyển đủ số lượng theo chỉ tiêu và từng bước nâng dần chất lượng đầu vào.	Thực hiện phân tích kết quả tuyển sinh làm cơ sở để điều chỉnh chính sách tuyển sinh các năm tiếp theo.	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo/Biên bản họp có số liệu phân tích kết quả, chiến lược, phương án tuyển sinh.	
108			Thực hiện truyền thông về tuyển sinh sau ĐH nhiều hơn nữa.	Tăng cường công tác truyền thông về tuyển sinh sau đại học.	Ban TT&TVTS	- P.ĐT; - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý I, Hàng năm	Kế hoạch truyền thông hàng năm.	
109			Cần có các chính sách đủ mạnh để thu hút người học bậc sau đại học.	Điều chỉnh chính sách tuyển sinh nhằm thu hút người học bậc sau đại học.	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý I, Hàng năm	Đề án tuyển sinh	
110			Nhà trường nên nghiên cứu đưa ra các tiêu chí cụ thể lựa chọn người học cho mỗi CTĐT, ngành nghề, đặc biệt các ngành nghề đặc thù.	Lựa chọn các tiêu chí cụ thể về người học cho mỗi CTĐT, ngành nghề, đặc biệt các ngành nghề đặc thù.	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý I, Hàng năm	Kế hoạch tuyển sinh	
111	13.2	4/7	Việc xét tuyển theo tổ hợp các môn thi THPT và tổ hợp học bạ cần có việc thống kê về tính hiệu quả và khả năng tuyển chọn được người học có trình độ để đảm bảo chất lượng đào tạo, đặc biệt với khối ngành truyền thống.	Thống kê, phân tích kết quả tuyển sinh về chính sách xét tuyển theo tổ hợp các môn thi THPT và tổ hợp học bạ, từ đó đánh giá tính hiệu quả và khả năng tuyển chọn được người học có trình độ đảm bảo chất lượng đào tạo, đặc biệt với khối ngành truyền thống.	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo kết quả tuyển sinh.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HDKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
112			<i>Cần có chính sách hỗ trợ sinh viên ngành truyền thông để nâng cao kết quả tuyển sinh và hoạt động đào tạo.</i>	Điều chỉnh chính sách tuyển sinh để nâng cao kết quả tuyển sinh và hoạt động đào tạo đối với ngành truyền thông.	P.ĐT	- P.CTSV; - P.KHTC; Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý I, Hàng năm	- Các chính sách hỗ trợ sinh viên ngành truyền thông; - Đề án tuyển sinh.	
113	13.3	4/7	<i>Nhà trường cần tiếp tục cải tiến quy định, quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học hiện nay trên cơ sở lấy ý kiến góp ý cụ thể từ các bên liên quan để có những cải tiến kịp thời và đạt hiệu quả cao hơn trong công tác tuyển sinh và nhập học.</i>	Cải tiến quy định/quy trình công tác tuyển sinh trên cơ sở lấy ý kiến góp ý cụ thể từ các bên liên quan.	P.ĐT	Các đơn vị trực thuộc.	Quý II, Hàng năm	Quy định/quy trình/hướng dẫn tổ chức công tác tuyển sinh.	
114				Cải tiến quy định/quy trình công tác nhập học trên cơ sở lấy ý kiến góp ý cụ thể từ các bên liên quan.	P.CTSV	Các đơn vị trực thuộc.	Quý II, Hàng năm	Quy định/quy trình/hướng dẫn tổ chức công tác nhập học.	
115			<i>Nhà trường nên sớm ban hành bộ quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học cập nhật theo các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh và đào tạo của các bậc hệ.</i>	Rà soát Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học cập nhật theo các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh và đào tạo của các bậc hệ.	P.TTGD&PC	- P.ĐT; - P.CTSV.	Quý II, Hàng năm	Ban hành Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học tương ứng đối với từng bậc hệ.	
116	13.4	4/7	<i>Cần có báo cáo riêng đánh giá, phân tích kết quả thực hiện các biện pháp giám sát tuyển sinh và nhập học hằng năm và nêu các biện pháp cần cải tiến. Cần tiếp tục duy trì và cải tiến để công tác giám sát tuyển sinh và nhập học được tốt hơn, cần có báo cáo đánh giá riêng.</i>	Xây dựng báo cáo đánh giá, phân tích kết quả thực hiện các biện pháp giám sát tuyển sinh và nhập học hằng năm.	P.TTGD&PC	Các đơn vị trực thuộc.	Quý IV, Hàng năm	- Báo cáo đánh giá, phân tích kết quả thực hiện các biện pháp giám sát tuyển sinh và nhập học; - Báo cáo hậu kiểm sau tuyển sinh và nhập học các hệ.	
117	13.5	4/7	<i>Nhà trường cần tiếp tục cải tiến công tác truyền thông tuyển sinh, huy động sự tham gia của tất cả các đơn vị và cán bộ của Nhà trường trong hoạt động truyền thông tuyển sinh; đổi mới nội dung thông tin truyền thông (tư vấn, định hướng ngành học), đặc biệt là các ngành có tỉ lệ nhập học thấp, ngành đặc thù, ngành mới).</i>	- Tiếp tục cải tiến công tác truyền thông tuyển sinh, huy động sự tham gia của tất cả các đơn vị và cán bộ của Nhà trường trong hoạt động truyền thông tuyển sinh; - Đổi mới nội dung, hình thức thông tin truyền thông.	Ban TT&TVTS	Các đơn vị trực thuộc.	Quý I÷III, Hàng năm	- Kế hoạch truyền thông và tư vấn tuyển sinh; - Báo cáo tổng kết hoạt động truyền thông hàng năm.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
118			Nên tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của SV và phụ huynh về công tác tuyển sinh, nhập học để có những cải tiến theo hướng chất lượng, chính quy, nhanh gọn, chính xác và hiệu quả.	Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của của các đối tượng liên quan về công tác tuyển sinh, nhập học để có những cải tiến theo hướng chất lượng, chính quy, nhanh gọn, chính xác và hiệu quả.	P.CTSV	- P.KT&ĐBCLGD; - P.CTSV; - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý III÷IV, Hàng năm	- Kế hoạch, báo cáo khảo sát về công tác tuyển sinh, nhập học hàng năm; - Báo cáo khảo sát về nội dung này	
119			Cần điều tra số liệu và dự báo nguồn nhân lực về các ngành nghề Nhà trường đang đào tạo, đặc biệt là các ngành nghề truyền thống và thế mạnh của Nhà trường để xác định và điều chỉnh chỉ tiêu từng ngành nghề có cơ sở khoa học và sát thực tế hơn.	Điều tra số liệu và dự báo nguồn nhân lực về các ngành nghề Nhà trường đang đào tạo, đặc biệt là các ngành nghề truyền thống và thế mạnh để xác định và điều chỉnh chỉ tiêu từng ngành nghề có cơ sở khoa học và sát thực tế hơn.	P.ĐT	- P.CTSV; - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo dự báo nguồn nhân lực về các ngành nghề Nhà trường đang đào tạo.	
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học									
120	14.1	4/7	Cần xây dựng mạng lưới và cơ sở dữ liệu các bên liên quan phù hợp với vị trí việc làm, mục tiêu giáo dục của Nhà trường và định hướng phát triển để qua đó tham vấn được đúng đối tượng, nhu cầu thị trường lao động, kỹ năng nghề nghiệp cần có đối với người học của từng chương trình đào tạo.	Xây dựng mạng lưới và cơ sở dữ liệu của các bên liên quan phù hợp với vị trí việc làm và mục tiêu giáo dục của Nhà trường.	P.CTSV	- P.ĐT; - P.TCHC - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý I/2024	Thông tin về mạng lưới, cơ sở dữ liệu của các bên liên quan phù hợp với vị trí việc làm, kỹ năng nghề nghiệp cần có đối với người học của từng chương trình đào tạo.	
121			Cần nghiên cứu, bổ sung nền tảng kiến thức về tài nguyên và môi trường sinh viên của Nhà trường.	Điều chỉnh, cập nhật CTĐT theo hướng bổ sung học phần chung về tài nguyên và môi trường.	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT. (Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm)	CTĐT các ngành trình độ đại học.	
122	14.2	4/7	Việc khảo sát lấy ý kiến người học, cựu SV, doanh nghiệp trong việc xây dựng, rà soát CĐR của CTĐT và học phần cần đồng bộ ở tất cả các CTĐT, đảm bảo tính	Rà soát, lựa chọn đối tượng khảo sát CĐR của mỗi CTĐT đảm bảo tính chuyên biệt và phù hợp với phân khúc thị trường lao động.	P.ĐT	Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT	Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT.	Báo cáo khảo sát tổng hợp về CĐR của các CTĐT.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>chuyên biệt và phù hợp với phân khúc thị trường lao động.</i>				(Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm)		
123			<i>Cần có báo cáo tổng hợp các kết quả khảo sát, cần bổ sung các CĐR theo ý kiến các bên liên quan để làm căn cứ xây dựng, rà soát CTĐT.</i>	Báo cáo tổng hợp các kết quả khảo sát của các bên liên quan, trong đó thể hiện rõ sự tiếp thu, điều chỉnh CĐR theo ý kiến góp ý nhận được.					
124			<i>Cần thực hiện việc tham khảo, đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước và trên thế giới.</i>	Thực hiện tham khảo, đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để cập nhật và cải tiến CTĐT.				Bản đối sánh CTĐT.	
125			<i>Tổ hợp các học phần với thời lượng nhỏ thành các học phần có khối lượng kiến thức lớn hơn để thuận tiện cho việc tích lũy của người học cũng như quản lý chung của chương trình đào tạo.</i>	Điều chỉnh, cập nhật CTĐT theo hướng giảm số lượng các học phần có thời lượng nhỏ thành các học phần có khối lượng kiến thức lớn hơn để thuận tiện cho việc tích lũy của người học cũng như quản lý chung của chương trình đào tạo.				CTĐT các ngành trình độ đại học.	
126			<i>Cần rà soát CĐR các CTĐT, nhất là chương trình đào tạo SĐH theo mẫu thống nhất chung của trường, các động từ được dùng để diễn đạt CĐR cần được rà soát để đảm bảo cấp độ tăng dần về năng lực người học (theo thang nhận thức của Bloom).</i>	Rà soát lại CĐR của các CTĐT				CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ các ngành/chuyên ngành.	
127	14.3	3/7	<i>Cần rà soát kỹ các chương trình đào tạo khi thẩm định và ban hành nhằm tránh việc thiếu sót các đề cương. Ngoài ra nâng cao chất lượng thẩm định, phân tích góp ý vào việc hoàn thiện đề cương học phần.</i>	Rà soát kỹ đề cương chi tiết học phần đảm bảo đầy đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu.	P.ĐT	Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT	Định kỳ Quý III, Hàng năm và Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT.	- Phiên bản ĐCCT được rà soát; - Biên bản họp rà soát ĐCCT.	
128				Nâng cao chất lượng thẩm định, phân tích góp ý vào việc hoàn thiện đề cương học phần.					
129	14.4	4/7	<i>Nhà trường khi thiết kế, đánh giá và rà soát CTĐT việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan cần xuyên suốt, định kỳ, hiệu quả và có các báo cáo tổng hợp ý kiến,</i>	Việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan khi thiết kế, điều chỉnh CTĐT được thực hiện đồng bộ và đảm bảo theo quy định của Nhà trường.	P.ĐT	Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT	Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT.	Báo cáo tổng hợp ý kiến của các bên liên quan khi điều chỉnh, cập nhật CTĐT.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			đưa ra các căn cứ cải tiến và phản hồi lại cho các bên liên quan;				(Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm)		
130			Cần tăng cường việc tham khảo và đối sánh CTĐT được rà soát, điều chỉnh với các CTĐT tiên tiến của các trường ĐH khác trong và ngoài nước và thể hiện rõ trong hồ sơ rà soát CTĐT cũng như các biên bản.	Thực hiện tham khảo, đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để cập nhật và cải tiến CTĐT.	P.ĐT	Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT	Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT. (Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm)	Bản đối sánh CTĐT.	
131	14.5	4/7	Cần chú trọng nhiều hơn sự tham gia và phản hồi của các bên liên quan một cách thường xuyên và hiệu quả vào quá trình thực hiện quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT. Khi khảo sát cần có báo cáo tổng hợp ý kiến và xác định những điểm cần tham khảo bổ sung.	Tăng cường công tác lấy ý kiến của các bên liên quan khi thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT.	P.ĐT	Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT	Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT. (Định kỳ ít nhất 01 lần/05 năm)	Báo cáo tổng hợp ý kiến của các bên liên quan khi điều chỉnh, cập nhật CTĐT.	
132			Cần chú trọng các học phần có nội dung sau điều chỉnh vẫn chưa đáp ứng, theo kịp với sự thay đổi và phát triển trong thực tế để tiếp tục bổ sung điều chỉnh thường xuyên.	Việc thực hiện rà soát ĐCCT học phần được thực hiện định kỳ, đảm bảo quy định.	P.ĐT	Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT	Định kỳ Quý III, Hàng năm và Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT.	- Biên bản họp khoa/bộ môn điều chỉnh ĐCCT học phần; - Phiên bản ĐCCT được rà soát.	
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập									
133	15.1	4/7	Cần đảm bảo việc đổi mới các hoạt động dạy và học được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT học phần cũng như CTĐT.	Việc thực hiện rà soát ĐCCT học phần được thực hiện định kỳ, trong đó chú trọng tới việc điều chỉnh các hoạt động dạy và học đảm bảo chất lượng và đạt CĐR của học phần, CTĐT.	P.ĐT	Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT	Định kỳ Quý III, Hàng năm và Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT.	- Biên bản họp khoa/bộ môn điều chỉnh ĐCCT học phần; - ĐCCT học phần đã được rà soát ban hành.	
134			Cần nghiên cứu ban hành triết lý giáo dục hoặc cấu trúc lại mục tiêu giáo dục nhằm dễ nhớ để qua đó việc chuyển tải vào CTĐT, ghi nhớ trong các bên liên quan được thuận lợi.	Xây dựng, ban hành triết lý giáo dục.	P.TCHC	- P.ĐT; - Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT.	Giai đoạn 2023-2025	Triết lý giáo dục của Trường.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
135			<i>Cần có các biện pháp hiệu quả để truyền thông mục tiêu giáo dục/triết lý giáo dục đến toàn bộ người học và các bên liên quan.</i>	Xây dựng kế hoạch truyền thông về mục tiêu của triết lý giáo dục đến toàn bộ người học và các bên liên quan.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý I/2024	Kế hoạch truyền thông về mục tiêu của triết lý giáo dục trong Nhà trường.	(tích hợp vào cùng với Kế hoạch truyền thông hàng năm của Ban TT tại Tiêu chí 13.1)
136	15.2	4/7	<i>Cần có các chiến lược và chính sách thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV có sự khác biệt, mang tính đột phá cho từng ngành nghề (nhất là ngành nghề đặc thù, ngành mới) để thu hút được nhiều GV giỏi về công tác tại Trường và nâng cao chất lượng đào tạo.</i>	Xây dựng chiến lược và chính sách nhằm thu hút, tuyển dụng đội ngũ GV chất lượng.	P.TCHC	Các khoa/bộ môn	Quý I, Hàng năm	Quy định/Kế hoạch tuyển dụng hàng năm.	
137			<i>Việc triển khai thực hiện quy hoạch đội ngũ cần có chế tài thưởng, phạt cụ thể để đạt được chỉ số, chỉ báo đề ra, đồng thời có giải pháp để thu hút, giữ lại GV yên tâm công tác tại Trường.</i>	Xây dựng chế độ chính sách trong đó xác định các chế tài về thưởng, phạt cụ thể đối với GV.	P.TCHC	- P.KHTC - Các khoa/bộ môn.	Quý II, Hàng năm	- Quy chế chi tiêu nội bộ; - Quy định về chế độ làm việc của giảng viên.	
138	15.3	4/7	<i>Cần có các giải pháp và chính sách đủ mạnh để tăng số lượng các hoạt động như chương trình trao đổi SV quốc tế, thực tập ngắn hạn ở nước ngoài, các hoạt động PVCD để số đông SV được tham gia.</i>	Tăng cường các hoạt động chương trình trao đổi học tập, nghiên cứu với các trường quốc tế.	P.KHCN&HTQT	- P.ĐT; - P.CTSV; - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý I/2025	Các kế hoạch/chương trình trao đổi SV.	
139			<i>Nên xem xét xây dựng các chính sách hỗ trợ và khuyến khích học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc thực hiện đề tài NCKH.</i>	Xây dựng chính sách hỗ trợ và khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học.	P.KHCN&HTQT	- P.KHTC; - P.TCHC; - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý II/2024	Quy chế chi tiêu nội bộ.	
140			<i>Việc tổ chức các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học như các hội nghị, hội thảo, dự giờ, rà</i>	Các Khoa/Bộ môn cần có kế hoạch cụ thể về đổi mới phương pháp dạy và học cho từng kỳ, từng năm học	P.ĐT	Các khoa/bộ môn	Quý III, Hàng năm	- Kế hoạch, báo cáo/biên bản họp và đề	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>soát ĐCCT học phần cần đồng bộ giữa các khoa, bộ môn và có kế hoạch cho từng kỳ, từng năm học, có báo cáo kết quả và đề xuất cải tiến để hành động.</i>	và báo cáo kết quả, đề xuất cải tiến trong thời gian tiếp theo.				xuất cải tiến phương pháp dạy và học; - ĐCCT được rà soát, cấp nhật, điều chỉnh (nếu có).	
141	15.4	4/7	<i>Việc khảo sát ý kiến của người học về đánh giá GV cần kết hợp nhiều hình thức để đảm bảo độ tin cậy cho kết quả khảo sát.</i>	Điều chỉnh quy định lấy ý kiến người học về đánh giá GV theo hướng kết hợp nhiều hình thức để đảm bảo độ tin cậy cho kết quả khảo sát.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc	Quý III/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định về lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.	
142			<i>Cần có báo cáo tổng hợp và đưa ra các biện pháp cải tiến chất lượng cụ thể về PPGD, KTĐG dựa trên kết quả khảo sát và có sự giám sát cải tiến và phản hồi lại kết quả cải tiến cho người học.</i>	Xây dựng báo cáo tổng hợp, trong đó có đưa ra các biện pháp cải tiến chất lượng cụ thể về PPGD, KTĐG dựa trên kết quả khảo sát và có sự giám sát cải tiến và phản hồi lại kết quả cải tiến cho người học.	Về PPGD sẽ do P.ĐT chủ trì. Về KTĐG sẽ do P.KT&ĐBCLGD chủ trì.	- P.KT&ĐBCLGD; - Khoa/bộ môn quản lý học phần.	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo kết quả khảo sát và đưa ra các biện pháp cải tiến chất lượng cụ thể về PPGD, KTĐG của các học phần.	
143	15.5	4/7	<i>Quá trình rà soát triết lý giáo dục cần lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan; Cần có hướng dẫn truyền tải nội dung triết lý giáo dục của các CTDH thành triết lý dạy học;</i>	Quá trình rà soát triết lý giáo dục cần lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý I/2024	Ban hành triết lý giáo dục của Trường.	
144				Xây dựng hướng dẫn truyền tải nội dung triết lý giáo dục của các CTDH thành triết lý dạy học.	P.TCHC	- P.ĐT; - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý I/2024	Hướng dẫn truyền tải nội dung triết lý giáo dục của các CTDH thành triết lý dạy học.	
145			<i>Cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tăng kỹ năng nghề, tăng kiến thức thực tế cho người học, đạo đức nghề nghiệp.</i>	Điều chỉnh CTĐT nhằm tăng cường các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tăng kỹ năng nghề, tăng kiến thức thực tế cho người học, đạo đức nghề nghiệp.	P.ĐT	- Khoa/bộ môn quản lý CTĐT; - P.KT&ĐBCLGD.	Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT ban hành	CTĐT đã điều chỉnh được ban hành.	
146			<i>Sau khi khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, về hoạt động dạy và học, Nhà trường cần có các báo cáo tổng hợp ý kiến và các hành động cải tiến chất lượng sau khảo sát một cách cụ thể.</i>	Cần có các báo cáo tổng hợp ý kiến và các hành động cải tiến chất lượng sau khảo sát một cách cụ thể.				Báo cáo tổng hợp ý kiến và các hành động cải tiến chất lượng sau khảo sát một cách cụ thể.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học									
147	16.1	4/7	Nhà trường cần thực hiện việc rà soát, điều chỉnh ĐCCT học phần thống nhất. Nội dung thuộc ĐCCT học phần liên quan đến kiểm tra đánh giá người học cần được các GV thể hiện đầy đủ cả về loại hình đánh giá, tiêu chí, nội dung đánh giá chi tiết cho cả điểm quá trình và điểm thi cuối cùng.	Điều chỉnh ĐCCT học phần đảm bảo thể hiện đầy đủ cả về loại hình đánh giá, tiêu chí, nội dung đánh giá chi tiết cho cả điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần.	P.ĐT	- Khoa/bộ môn quản lý CTĐT; - P.KT&ĐBCLGD.	Định kỳ hàng năm và định kỳ theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT ban hành	ĐCCT học phần.	
148			Nhà trường nên có các hướng dẫn lựa chọn hình thức thi phù hợp theo đặc thù của từng học phần và đánh giá sự phù hợp của các hình thức thi.	Xây dựng hướng dẫn lựa chọn hình thức thi phù hợp theo đặc thù của từng học phần.	P.KT&ĐBCLGD	P.ĐT	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định/Hướng dẫn lựa chọn hình thức thi phù hợp theo đặc thù của từng học phần.	
149				Đánh giá sự phù hợp của các hình thức thi.		Khoa/bộ môn quản lý học phần	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo đánh giá sự phù hợp của các hình thức thi.	
150	16.2	4/7	Nhà trường chưa có quy định và hướng dẫn đo lường mức độ đạt được CĐR của người học. Do đó cần hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn GV thiết kế các hoạt động đánh giá người học phù hợp với việc đạt được CĐR có tính hệ thống, đầy đủ đối với các bậc, hệ đào tạo.	Ban hành quy định đo lường mức độ đạt được CĐR của người học đối với các bậc, các hệ đào tạo.	P.KT&ĐBCLGD	Khoa/bộ môn quản lý học phần	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định đo lường mức độ đạt được CĐR của người học đối với các bậc, các hệ đào tạo.	
151			Hướng dẫn các khoa tổng kết, phân tích đánh giá sự phù hợp của phương pháp KTĐG đã sử dụng để đo lường mức độ đạt CĐR.	Hướng dẫn đo lường mức độ đạt được CĐR của người học đối với các bậc, các hệ đào tạo.		Khoa/bộ môn quản lý học phần	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Bảng tổng hợp/Báo cáo tổng kết, phân tích đánh giá nhằm đo lường mức độ đạt được CĐR của người học đối với các bậc, các hệ đào tạo.	
152			Giám sát các khoa, bộ môn trong việc xây dựng ma trận liên kết	Giám sát các khoa, bộ môn trong việc xây dựng ma trận liên kết câu	P.KT&ĐBCLGD	Khoa/bộ môn quản lý học phần	Quý IV/2023	Các biên bản phản biện trong việc xây	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>câu hỏi thi với CĐR của học phần để đảm bảo nội dung câu hỏi thi bám sát yêu cầu của CĐR.</i>	hỏi thi với CĐR của học phần để đảm bảo nội dung câu hỏi thi bám sát yêu cầu của CĐR.			(Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	dựng ma trận liên kết câu hỏi thi với CĐR của học phần để đảm bảo nội dung câu hỏi thi bám sát yêu cầu của CĐR.	
153	16.3	4/7	<i>Nhà trường cần sớm ban hành văn bản quy định định kỳ thực hiện phân tích kết quả kiểm tra đánh giá để đánh giá độ chính xác, sự tác động của các phương pháp KTĐG đến chất lượng đào tạo.</i>	Ban hành văn bản quy định định kỳ thực hiện phân tích kết quả kiểm tra đánh giá để đánh giá độ chính xác, sự tác động của các phương pháp KTĐG đến chất lượng đào tạo.	P.KT&ĐBCLGD	Khoa/bộ môn quản lý học phần	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Văn bản quy định định kỳ thực hiện phân tích kết quả kiểm tra đánh giá để đánh giá độ chính xác, sự tác động của các phương pháp KTĐG đến chất lượng đào tạo.	
154			<i>Các khoa, bộ môn cần định kỳ đánh giá tính phù hợp của các hình thức KTĐG, xây dựng, cập nhật ngân hàng câu hỏi và nội dung câu hỏi thi đối với nhiệm vụ đo lường mức độ đạt được CĐR của người học.</i>	Đánh giá tính phù hợp của các hình thức KTĐG, xây dựng, cập nhật ngân hàng câu hỏi và nội dung câu hỏi thi đối với nhiệm vụ đo lường mức độ đạt được CĐR của người học.	P.KT&ĐBCLGD	Khoa/bộ môn quản lý học phần	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo đánh giá tính phù hợp của các hình thức KTĐG, xây dựng, cập nhật ngân hàng câu hỏi và nội dung câu hỏi thi đối với nhiệm vụ đo lường mức độ đạt được CĐR của người học.	
155			<i>Nhà trường cần rà soát và thống nhất quy trình coi thi và chấm thi với các nội dung cần cải tiến như sau: đề thi và đáp án đề thi cần được lưu trữ cùng hồ sơ túi bài thi, việc chấm thi cần bám sát đáp án và nên ghi cả điểm chi tiết và điểm cuối cùng (có bút tích trên bài thi hoặc hồ sơ chấm đi kèm); bài thi cần được ghi cả điểm số và điểm chữ, ngoài túi bài thi người coi thi cần ghi đầy đủ thông tin về kỳ thi, năm thi, cán bộ coi thi, số túi bài, đầy đủ chữ ký và họ tên 2 cán bộ chấm thi trên ô chữ ký.</i>	Rà soát và thống nhất quy trình coi thi và chấm thi.	P.KT&ĐBCLGD	- P.ĐT; - Các khoa/bộ môn.	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy trình coi thi, chấm thi đã được rà soát.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
156	16.4	3/7	Nhà trường cần ban hành hướng dẫn chi tiết về quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học.	Ban hành quy trình/hướng dẫn xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học.	P.KT&ĐBCLGD	Khoa/bộ môn quản lý học phần	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy trình/hướng dẫn xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học.	
157			Nên thường xuyên đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG theo quy trình đã ban hành làm cơ sở cho những cải tiến, điều chỉnh để phương pháp KTĐG thực sự là công cụ hiệu quả đo lường mức độ đạt được CĐR. Ngoài ra, sớm nghiên cứu có các quy định và tổ chức đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.	Đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG theo quy trình đã ban hành.	P.KT&ĐBCLGD	- P.ĐT; - Khoa/bộ môn quản lý học phần.	Quý III, Hàng năm	Biên bản/Báo cáo đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG theo quy trình đã ban hành.	(sau khi ban hành quy trình)
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học									
158	17.1	4/7	Nhà trường chưa có đơn vị chuyên trách hoạt động kết nối doanh nghiệp hỗ trợ người học phát triển kỹ năng, tư vấn, tìm kiếm việc làm.	Thành lập/khôi phục lại đơn vị/bộ phận hướng nghiệp.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý IV/2024	Quyết định chức năng nhiệm vụ đơn vị/bộ phận hướng nghiệp (có thể sẽ được đưa vào trong chức năng, nhiệm vụ của một đơn vị sau khi cơ cấu tổ chức được kiện toàn).	
159			Việc thiết kế thang đo trên phiếu khảo sát chưa khoa học khi thể hiện thang điểm đánh giá năng lực của CVHT dao động từ 1-20, nên khó đo lường, đánh giá chính xác năng lực của đội ngũ này.	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định đánh giá CVHT, CNL	P.CTSV	Các đơn vị trực thuộc.	Quý III/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định đánh giá CVHT, CNL mới sau rà soát.	
160	17.2	4/7	Phân tích nguyên nhân người học chậm tốt nghiệp để kịp thời có biện pháp tư vấn, hỗ trợ cho người học.	Triển khai phân tích nguyên nhân người học chậm tốt nghiệp để kịp thời có biện pháp tư vấn, hỗ trợ cho người học.	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý III, Hàng năm	Báo cáo phân tích nguyên nhân người học chậm tốt nghiệp.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
161	17.3	4/7	<i>Cần triển khai đánh giá tính hiệu quả của hệ thống phục vụ và hỗ trợ người học, đa dạng hóa hình thức khảo sát lấy ý kiến của các đối tượng người học về hoạt động hỗ trợ để thu được các thông tin hữu ích để có căn cứ đối sánh, cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ.</i>	Điều chỉnh, bổ sung quy định hoạt động hỗ trợ người học để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ.	P.CTSV	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý III/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định hoạt động hỗ trợ người học được điều chỉnh.	
162			<i>Hoạt động hỗ trợ cần hướng đến các đối tượng người học sau ĐH và vừa học vừa làm.</i>	Điều chỉnh, bổ sung quy định hoạt động hỗ trợ người học trong đó thể hiện được các đối tượng được hỗ trợ.	P.CTSV	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý III/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định hoạt động hỗ trợ người học được điều chỉnh.	
163			<i>Tăng cường đầu tư CSVC, phòng thực hành, thí nghiệm, cần đảm bảo công tác vệ sinh tại giảng đường, xây dựng môi trường học tập đa dạng, hỗ trợ người học đạt CDR của CTĐT và hình thành năng lực học tập suốt đời cho người học.</i>	Tăng cường đầu tư CSVC, phòng thực hành, thí nghiệm, cần đảm bảo công tác vệ sinh tại giảng đường.	P.QTTB	- P.KHTC; - P.TCHC.	Quý IV, Hàng năm	Các hợp đồng mua sắm, đầu tư.	
164	17.4	4/7	<i>Nhà trường cần xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá sự liên quan, tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học.</i>	Điều chỉnh, bổ sung quy định hoạt động hỗ trợ người học có tiêu chí đánh giá hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người học.	P.CTSV	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý III/2024	Quy định hoạt động hỗ trợ người học được điều chỉnh.	
165			<i>Đầu tư CSVC, hạ tầng CNTT, hệ thống LMS, các nền tảng công nghệ để hỗ trợ người học, tạo dựng môi trường học tập để hỗ trợ nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.</i>	Thực hiện rà soát hiện trạng cơ sở hạ tầng CNTT tại các cơ sở.	TT.TV&CNTT	- P.QTTB; - Phân hiệu.	Thường xuyên	Báo cáo/Biên bản kỹ thuật xác nhận thực hiện rà soát hiện trạng cơ sở hạ tầng CNTT.	
166				Tiếp tục đầu tư CSVC, hạ tầng CNTT, hệ thống LMS, các nền tảng công nghệ để hỗ trợ người học.		- P.KHTC; - P.ĐT; - Các khoa/bộ môn.	Giai đoạn 2023-2025	- Các hợp đồng mua sắm, đầu tư hạ tầng CNTT; - Giao diện hệ thống LMS.	

Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
167	18.1	5/7	<i>Cần rà soát để cải tiến quy chế, quy định (quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý KHCN) theo hướng quản trị tiếp cận kết quả và sản phẩm đầu ra, ưu tiên hiệu quả trong ứng dụng.</i>	Đề xuất ưu tiên phát triển các sản phẩm mang tính ứng dụng, có khả năng thương mại tạo nguồn thu cho Nhà trường trong quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý hoạt động KHCN.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý II/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý hoạt động KHCN.	
168			<i>Có các chế tài và cơ chế thúc đẩy mạnh mẽ hơn chuyển giao và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có tiềm năng..</i>	Bổ sung các chế tài, cơ chế thúc đẩy chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm trong quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường.		- P.TCHC; - P.KHTC.	Quý II, Hàng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung nội dung này.	
169			<i>Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh để đạt được mục tiêu trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo định hướng ứng dụng.</i>	Củng cố và phát triển nội lực của các nhóm nghiên cứu tiềm năng (03 nhóm), tiến tới phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh đủ sức đầu thầu, thực hiện các đề tài, công bố khoa học.		Các nhóm nghiên cứu, cá nhân, đơn vị trong Trường.	Quý IV/2025	Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu mạnh.	
170	18.2	4/7	<i>Nhà trường cần có cơ chế tổ chức quản lý để khuyến khích và đa dạng hóa nguồn kinh phí.</i>	Bổ sung cơ chế khuyến khích và đa dạng hóa nguồn kinh phí trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.	P.KHCN&HTQT	- P.TCHC; - P.KHTC.	Quý II, Hàng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung nội dung này.	
171			<i>Xây dựng các nhóm nghiên cứu có sự tham gia của các doanh nghiệp và nhà đầu tư.</i>	Bổ sung nội dung có sự tham gia của các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào quy chế tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2025	Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu mạnh.	
172			<i>Có giải pháp đột phá và hữu hiệu để hợp tác trong các nghiên cứu đỉnh cao, chú trọng vào CGCN và thương mại hóa.</i>	Bổ sung các chế tài, cơ chế thúc đẩy chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm trong quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường.	P.KHCN&HTQT	-	Quý II/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý hoạt động KHCN	
173			<i>Nhà trường nên sớm hoàn thiện bản Dự thảo Chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN.</i>	Hoàn thiện Dự thảo Chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN.	P.KHTC	P.KHCN&HTQT	Quý I/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít	Quyết định ban hành Chiến lược phát triển nguồn thu.	Ánh xạ đến 7.1 và 25.1

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							nhất 01 lần/02 năm)		
174	18.3	4/7	Trường cần điều chỉnh, cập nhật các chỉ tiêu chiến lược, rà soát bộ chỉ tiêu về kết quả hoạt động KHCN theo hướng chú trọng đến đánh giá cả về số lượng và chất lượng của kết quả nghiên cứu, tăng chất lượng hoạt động KHCN và ứng dụng CGCN, tăng nguồn thu cho Trường.	Rà soát, cập nhật chiến lược phát triển Trường và Bộ chỉ tiêu phấn đấu chính lĩnh vực KHCN&HTQT của Trường về số lượng, chất lượng, CGCN, thương mại hóa sản phẩm KHCN tăng nguồn thu.	P.KHCN&HTQT	-	Quý IV/2025 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	- Điều chỉnh chiến lược phát triển Trường; - Bộ chỉ tiêu phấn đấu chính lĩnh vực KHCN&HTQT.	
175			Có cơ chế khuyến khích tăng số lượng người học tham gia NCKH, tăng số lượng bài báo, báo cáo khoa học trong nước và quốc tế, tăng số lượng công trình khoa học công bố chung với đối tác trong nước/quốc tế.	Đề xuất tăng định mức nghiên cứu khoa học đối với GV hướng dẫn người học tham gia NCKH; Tăng nguồn kinh phí hỗ trợ người học NCKH trong Quy chế chỉ tiêu nội bộ của Trường.	P.KHCN&HTQT	P.KHTC	Quý II, Hàng năm	Ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ.	
176	18.4	4/7	Trường nên nghiên cứu rà soát bộ câu hỏi khảo sát các bên liên quan để điều chỉnh nội dung câu hỏi cho phù hợp;	Rà soát lại nội dung của bộ câu hỏi khảo sát về hoạt động KHCN về hoạt động chuyển giao, thương mại hóa sản phẩm,...	P.KHCN&HTQT	P.KT&ĐBCLGD	Quý II/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Bộ câu hỏi khảo sát của các bên liên quan về hoạt động KHCN đối với các cá nhân, tổ chức ngoài Trường.	
177			Các kết quả khảo sát theo từng tiêu chí ngoài việc tính theo tỷ lệ % nên tính theo điểm cho từng tiêu chí để dễ so sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa các tiêu chí.	Ngoài tỷ lệ %, bổ sung tính điểm cho từng tiêu chí để dễ so sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa các tiêu chí trong báo cáo kết quả khảo sát hàng năm	P.KHCN&HTQT	P.KT&ĐBCLGD	Quý II, Hàng năm	Báo cáo kết quả khảo sát theo mức điểm hài lòng của từng tiêu chí trong (Báo cáo số 1729/BC-TĐHHN, 12/5/2023).	
178			Nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ GV;	Khuyến khích cán bộ, GV nâng cao năng lực bằng việc đề xuất các chính sách khuyến khích, khen thưởng.	P.KHCN&HTQT	P.KHTC	Quý II, Hàng năm	Ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ.	
179			Có giải pháp đột phá để nâng cao chất lượng NCKH và phát triển công nghệ theo hướng đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao để	Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH, CGCN, thương mại hóa sản phẩm KHCN trong báo cáo KHCN hàng năm	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo tổng kết hàng năm.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>đóng góp cho ngành tài nguyên môi trường và cho xã hội.</i>						
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ									
180	19.1	4/7	<i>Nhà trường cần có chính sách hỗ trợ và cơ chế thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa hoạt động đăng ký bảo hộ cho các tài sản trí tuệ của CB, GV, SV và học viên;</i>	Đề xuất chính sách hỗ trợ TSTT của CB, GV và người học theo quy định của Nhà nước và thực tế của Nhà trường. Xây dựng cơ chế rõ ràng, minh bạch đảm bảo tiêu chí thúc đẩy hoạt động đăng ký bảo hộ TSTT.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy chế quản lý TSTT của Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội.	
181									
182			<i>Có các chính sách khuyến khích, cơ chế và giải pháp để thúc đẩy hoạt động đăng ký tài sản trí tuệ; các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích;</i>	Các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích được quy định rõ ràng trong các nhiệm vụ khoa học công nghệ, được hưởng các chính sách hỗ trợ: Kinh phí, nguồn lực, mạng lưới ... trong việc đăng ký TSTT.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	- Quy chế quản lý TSTT của Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội; - Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	
183			<i>Tăng cường kết nối, kêu gọi vốn và hợp tác để chuyển giao, sản xuất thử, hỗ trợ khởi nghiệp và thương mại hóa để tăng nguồn thu và thương hiệu.</i>	Quy định rõ việc doanh nghiệp tham gia trong quá trình đặt hàng thực hiện, nghiệm thu các kết quả nghiên cứu, từ đó có sở sở thương mại hóa, tăng nguồn thu về KHCN.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	
184	19.2	3/7	<i>Trường cần có biện pháp tăng cường công tác truyền thông về bản quyền, sở hữu và khai thác TSTT</i>	Thường xuyên truyền thông về bản quyền, sở hữu và khai thác TSTT đến CB, GV và người học qua website Nhà trường, các buổi tọa đàm.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV, Hàng năm	Thông tin trên website/Biên bản tọa đàm.	
185			<i>Cần xây dựng kế hoạch cụ thể, các quy định và các giải pháp, cơ chế để triển khai thực hiện trong quản lý và khai thác TSTT trong Trường;</i>	Đề xuất cụ thể các quy định, giải pháp, cơ chế để triển khai thực hiện trong quản lý và khai thác TSTT trong Trường tại Quy chế quản lý TSTT.			Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy chế quản lý TSTT của Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
193	20.1	4/7	Nhà trường nên sớm xây dựng và ban hành quy định về tổ chức quản lý các hoạt động hợp tác phát triển, trong đó có các chính sách, cơ chế cụ thể trong hợp tác NCKH nhằm tạo sự chủ động và tổ chức hiệu quả công tác này.	Xây dựng và ban hành quy định quản lý các hoạt động hợp tác phát triển trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Nhà trường.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Ban hành quy định quản lý các hoạt động hợp tác phát triển tại Trường.	
194			Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong NCKH để có các đề tài, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu là thế mạnh của Trường, chú ý phát huy vai trò của nhóm nghiên cứu mạnh;	Hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh đáp ứng yêu cầu của nhà nước (Nghị định 109/NĐ-CP).	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy chế tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh.	
195	20.2	4/7	Trường cần quan tâm đầu tư nhiều hơn về nguồn lực và cơ chế trong phát triển hợp tác trong NCKH.	Ưu tiên đầu tư các nhiệm vụ đề tài dự án khoa học có sự tham gia của nhiều đối tác trong nước và nước ngoài trước trong và sau khi triển khai (kinh phí, CSVC, đội ngũ nghiên cứu chất lượng cao)	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV, Hàng năm	Danh mục Đề tài, dự án nghiên cứu khoa học có sự tham gia của các đối tác trong nước và nước ngoài ngay từ khi đề xuất.	
196			Có giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động HTQT, đặc biệt HTQT trong NCKH với các cơ chế, giải pháp mạnh mẽ để khuyến khích, thúc đẩy triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu và CGCN.	- Ưu tiên các đề tài dự án, nghiên cứu khoa học có sự tham gia NC của đối tác nước ngoài; - Tăng mức hỗ trợ đối với các công bố khoa học quốc tế có sự đóng góp của các nhà khoa học uy tín; - Có quy định đối với từng loại hình nghiên cứu phải có sự đóng góp về công nghệ, giải pháp với đối tác nước ngoài; - Quy định rõ ràng việc đánh giá hiệu quả với các đối tác trong NCKH.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý các hoạt động hợp tác đối tác tại Trường.	
197	20.3	4/7	Trường cần ban hành văn bản quy định về việc rà soát, đánh giá các hoạt động hợp tác trong NCKH.	Xây dựng văn bản quy định về rà soát, đánh giá các hoạt động hợp tác trong NCKH	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý các hoạt động hợp tác đối tác tại Trường.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
198			Thực hiện việc rà soát và đánh giá hiệu quả của các hợp tác trong NCKH thường xuyên hằng năm.	Kiểm tra đánh giá hiệu quả của các hợp tác trong NCKH		Các đối tác hợp tác trong NCKH	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo hoạt động kiểm tra, đánh giá.	(Sau khi có quy định quản lý các hoạt động hợp tác đối tác)
199			Sử dụng các ý kiến góp ý của các bên liên quan về hợp tác và đối tác trong NCKH để cải thiện chất lượng của các hoạt động hợp tác phát triển.	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hợp tác và đối tác trong NCKH để cải thiện chất lượng của các hoạt động hợp tác phát triển.		- Các đối tác hợp tác trong NCKH; - P.KT&ĐBCLGD.	Quý III/2023	Phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung này.	
200			Nhà trường cần thực hiện rà soát danh mục đối tác, đánh giá toàn diện về hiệu quả của các đề tài, dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.	Tăng cường rà soát đối tác nhằm đánh giá hiệu quả trong đào tạo, chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm của các đề tài, dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.	P.KHCN&HTQT	Các đối tác hợp tác trong NCKH	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo/Biên bản rà soát danh mục đối tác, đánh giá toàn diện về hiệu quả của các đề tài, dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.	(Sau khi có quy định quản lý các hoạt động hợp tác đối tác)
201	20.4	4/7	Đẩy mạnh phát triển HTQT, tăng cường hoạt động KHCN trong các lĩnh vực tiềm năng và liên ngành.	- Ưu tiên các đề tài dự án, nghiên cứu khoa học có sự tham gia NC của đối tác nước ngoài; - Tăng mức hỗ trợ đối với các công bố khoa học quốc tế có sự đóng góp của các nhà khoa học uy tín; - Có quy định đối với từng loại hình nghiên cứu phải có sự đóng góp về công nghệ, giải pháp với đối tác nước ngoài; - Quy định rõ ràng việc đánh giá hiệu quả với các đối tác trong NCKH.	P.KHCN&HTQT	-	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý các hoạt động hợp tác đối tác của Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	
202			Có cơ chế thu hút và hợp tác với doanh nghiệp, nhà đầu tư để tiếp tục thúc đẩy thương mại hóa một cách hiệu quả.	- Ưu tiên các đề tài dự án, nghiên cứu khoa học có sự hợp tác với các doanh nghiệp, nhà đầu tư; - Có quy định đối với từng loại hình nghiên cứu phải có sự đóng góp về công nghệ, giải pháp với doanh nghiệp và nhà đầu tư;	P.KHCN&HTQT	-	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý các hoạt động hợp tác đối tác của Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng									
203	21.1	3/7	Nhà trường cần rà soát để đảm bảo thống nhất giữa chính sách kết nối PVCD và các mục tiêu chiến lược để đảm bảo hướng đến đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn của Trường và các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.	Xây dựng dự thảo điều chỉnh quy định về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường.	
204			Chính sách kết nối PVCD cần được hướng dẫn cụ thể làm căn cứ để xác định các yêu cầu cụ thể chế độ làm việc của giảng viên liên quan đến PVCD theo quy định của Bộ GD&ĐT.	Kế hoạch hằng năm về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Tháng 01/2024	- Kế hoạch hằng năm về hoạt động kết nối và PVCD; - Quy định rõ chế độ làm việc của giảng viên liên quan đến PVCD thông qua định mức nghiên cứu khoa học hằng năm thể hiện trong kế hoạch hoạt động kết nối và PVCD.	
205	21.2	4/7	Nhà trường cần sớm ban hành đồng bộ các quy định và hướng dẫn cụ thể về loại hình, khối lượng PVCD để làm căn cứ triển khai các hoạt động kết nối và PVCD với cán bộ, giảng viên và người học, đồng thời để giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ PVCD đối với CB, GV và người học nhằm hướng đến thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường.	Được cải tiến trong nội dung điều chỉnh Quy định về hoạt động kết nối và PVCD.	P.CTSV	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định rõ về loại hình, khối lượng PVCD trong Quy định hoạt động kết nối và PVCD.	
206	21.3	4/7	Cần cập nhật tiêu chí đo lường, giám sát đối với việc kết nối và PVCD bao gồm cả KPI và chỉ số xác định mức độ hài lòng và lợi ích của các bên liên quan bám	Cập nhật tiêu chí đo lường, giám sát đối với việc kết nối và PVCD (bao gồm cả KPI và chỉ số xác định mức độ hài lòng) vào nội dung điều chỉnh Quy định về hoạt động kết nối và PVCD.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định về hoạt động kết nối và PVCD đã được điều chỉnh.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			sát theo nội hàm hoạt động PVCD đã được xác định.						
207			Định kỳ báo cáo tổng kết công tác đo lường, giám sát kết quả hoạt động. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, đối với cán bộ, giảng viên và người học, giáo dục trách nhiệm công dân đối với cộng đồng cho người học.	- Các kế hoạch hoạt động kết nối và PVCD hằng năm của Nhà trường được đăng tải lên website, fanpage, trang thông tin điện tử của sinh viên...; - Tăng cường các hoạt động liên kết với đơn vị bên ngoài để tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động tình nguyện, ủng hộ thiên tai, lũ lụt, tham gia góp ý vào sửa đổi các luật thuộc lĩnh vực giáo dục, tài nguyên và môi trường, các lĩnh vực khác...	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV, Hàng năm	- Báo cáo tổng kết hoạt động PVCD hàng năm; - Các kênh thông tin truyền thông về hoạt động PVCD.	
208	21.4	4/7	Trên cơ sở các chính sách kết nối và PVCD đã ban hành, Nhà trường sớm ban hành đồng bộ, các quy định và hướng dẫn PVCD. Triển khai giám sát đánh giá hiệu quả, thực chất để có căn cứ cải tiến chất lượng, đáp ứng tốt sứ mạng và tầm nhìn của Trường.	- Điều chỉnh và thống nhất các nội dung hoạt động kết nối và PVCD trong các văn bản quy định; - Đánh giá tính hiệu quả và thực chất của các chính sách PVCD.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2023 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	- Quy định hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường; - Báo cáo tổng kết hoạt động PVCD hàng năm; - Báo cáo rà soát và đánh giá hiệu quả của các chính sách.	

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

209			Đối sánh nội bộ được thực hiện nhưng chưa có dữ liệu đối sánh với nhiều chương trình hoặc ngành tương đồng ở các trường khác để giám sát và cải tiến.	Thực hiện đối sánh chất lượng CTĐT với ít nhất 02 CTĐT hoặc ngành tương đồng ở các trường khác.			Quý III, Hàng năm		
210	22.1	4/7	Dữ liệu đối sánh chi tiết các chương trình và ngành đào tạo về tỉ lệ tốt nghiệp không đúng hạn chưa có phân tích nguyên nhân cơ bản để tìm giải pháp khắc phục.	Tập trung phân tích nguyên nhân cơ bản về tỷ lệ tốt nghiệp không đúng hạn của từng ngành, thể hiện trong báo cáo so chuẩn, đối sánh chất lượng CTĐT.	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT	Quý III, Hàng năm	Báo cáo so chuẩn, đối sánh chất lượng CTĐT.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
211			<i>Cần phân tích dữ liệu dựa trên số liệu người học tốt nghiệp không đúng hạn có quan hệ gì với điểm chuẩn đầu vào (cao/thấp) quá trình đào tạo (độ khó của các học phần, điều kiện học tập, trình độ tiếng Anh) hoặc những khó khăn chủ quan khác.</i>	Phân tích mối quan hệ giữa số liệu người học tốt nghiệp không đúng hạn của từng CTĐT với các yếu tố sau: - Điểm chuẩn đầu vào; - Các điều kiện trong quá trình đào tạo (như độ khó của các học phần, điều kiện học tập, trình độ tiếng Anh...); - Những khó khăn khác.			Quý III, Hàng năm	Biên bản họp khoa/bộ môn phân tích nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn của từng ngành đào tạo.	
212	22.2	4/7	- Cần giảm số môn học bằng cách tăng tín chỉ đảm bảo mục tiêu nền tảng rộng trên nền tảng chung đủ lớn. - Đảm bảo điều kiện liên ngành thuận lợi, có chính sách hiệu quả thúc đẩy sinh viên ra trường sớm (ở một số ngành thị trường đang có nhu cầu lớn và nội dung chương trình đào tạo cần có sự thay đổi nhanh chóng).	Điều chỉnh, cập nhật CTĐT theo hướng giảm số lượng môn học, thiết kế các môn học chung của Trường, môn học chung theo lĩnh vực để đảm bảo điều kiện liên ngành thuận lợi.	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT	Theo kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT.	- Kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT; - CTĐT các ngành.	
213			<i>Việc sử dụng phần mềm thống kê dữ liệu cần có phân tích mối tương quan giữa số liệu thống kê với hệ thống quan hệ khác để đề xuất giải pháp quản lý.</i>	Phân tích mối quan hệ giữa số liệu thống kê định kỳ với hệ thống quan hệ khác, từ đó đề xuất giải pháp quản lý: - Số liệu người học tốt nghiệp không đúng hạn; - Số liệu người học thôi học.	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT	Quý III, Hàng năm	Biên bản họp khoa/bộ môn phân tích nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn của từng ngành đào tạo.	
214					P.CTSV		Quý III, Hàng năm	Biên bản họp khoa/bộ môn phân tích nguyên nhân thôi học của từng ngành đào tạo.	
215	22.3	4/7	<i>Cần nghiên cứu đối sánh tỉ lệ người học có việc làm với các trường cùng nhóm ngành, phân tích sự dịch chuyển hoặc ổn định vị trí việc làm trong 3-5 năm.</i>	Thực hiện đối sánh tỉ lệ người học có việc làm với các trường cùng nhóm ngành, phân tích sự dịch chuyển hoặc ổn định vị trí việc làm trong 3-5 năm.	P.CTSV	Khoa/bộ môn quản lý CTĐT	Quý III, Hàng năm	Báo cáo so chuẩn, đối sánh chất lượng CTĐT.	
216			<i>Xây dựng chiến lược tư vấn việc làm cho người tốt nghiệp, tránh sự lựa chọn chỉ bởi hấp dẫn thu</i>	Xây dựng kế hoạch tư vấn việc làm cho người tốt nghiệp.			Quý II, Hàng năm	Kế hoạch/Thông báo tư vấn việc làm cho	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			nhập ban đầu, ít có cơ hội trải nghiệm để thăng tiến trong tương lai.					người tốt nghiệp của từng CTĐT.	
217	22.4	4/7	Để tăng độ tin cậy, tính khách quan của ý kiến phản hồi, cần thông qua hội nghị đối thoại với người học; qua phiếu khảo sát trực tiếp và online.	Định kỳ tổ chức hội nghị đối thoại với người học.	P.CTSV	- Khoa/bộ môn quản lý CTĐT; - Đoàn TNCSHCM.	Định kỳ hàng quý	Kế hoạch, biên bản tổ chức hội nghị đối thoại với người học.	
218			Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát sự trung thực của các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.	Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát sự trung thực của các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.	P.KT&ĐBCLGD	TT.TV&CNTT	Quý II/2024	Giải pháp kỹ thuật tích hợp vào phần mềm khảo sát với chức năng lọc dữ liệu thô.	
219			Cần nhiều giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, coi trọng việc truyền cảm hứng, phát triển tư duy sáng tạo và dẫn dắt của GV trong điều kiện ứng dụng ICT là điều kiện cần cơ để tăng mức độ hài lòng từ người học.	Tăng cường ứng dụng CNTT và truyền thông để điều chỉnh phương pháp giảng dạy (trong đó chú trọng việc truyền cảm hứng, phát triển tư duy sáng tạo và dẫn dắt người học).	P.ĐT	Khoa/bộ môn quản lý học phần.	Quý III, Hàng năm và Định kỳ theo Kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CTĐT.	Biên bản họp chuyên môn của khoa/bộ môn rà soát, điều chỉnh ĐCCT học phần, trong đó có thảo luận về các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy của GV.	
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học									
220	23.1	4/7	Trường cần rà soát, cập nhật, bổ sung các cơ chế quy đổi để đánh giá GV, nghiên cứu viên trong thực hiện NCKH theo hướng giám sát để cải tiến theo kết quả và sản phẩm đầu ra.	Rà soát, cập nhật và bổ sung các cơ chế quy đổi tại Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ và Quy chế chi tiêu nội bộ trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Nhà trường để giám sát và đánh giá GV, nghiên cứu viên trong thực hiện NCKH.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	- Quy định quản lý hoạt động KHCN;	
								Quý II, Hàng năm	
221			Cần thực hiện đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên của Nhà trường với các trường đại học hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.	Tăng cường rà soát, đối sánh các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên của Nhà trường với các trường đại học hàng đầu ở Việt Nam.	P.KHCN&HTQT	P.KT&ĐBCLGD	Quý II, Hàng năm	Báo cáo so chuẩn và đối sánh hoạt động NCKH hàng năm.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
222			<i>Nghiên cứu, xem xét cơ chế tính giờ NCKH cho các CBGV, nghiên cứu viên thực hiện đề tài cấp Nhà nước, bộ, tỉnh;</i>	Có cơ chế tính giờ NCKH cho CBGV, nghiên cứu viên thực hiện đề tài cấp Tỉnh, Bộ, Nhà nước đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý II, Hàng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường được rà soát, điều chỉnh.	
223			<i>Có cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các GV của phân hiệu Thanh Hóa có thể tham gia viết báo quốc tế và thực hiện các đề tài cấp Nhà nước, bộ, tỉnh.</i>	Có chính sách, cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, động lực cho CB, GV của phân hiệu Thanh Hóa tham gia viết báo quốc tế và thực hiện các đề tài có sử dụng NSNN.	Phân hiệu Trường tại Thanh Hóa	- P.KHTC; - P.KHCN&HTQT; - Các đơn vị thuộc Phân hiệu	Quý II, Hàng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường được rà soát, điều chỉnh.	
224	23.2	4/7	<i>Cần có các giải pháp khuyến khích tăng số lượng người học các bậc hệ, kể cả người học ở Phân hiệu Thanh Hóa tham gia vào các hoạt động NCKH SV như tăng kinh phí cho mỗi đề tài, tăng kinh phí cho các đề tài đạt giải.</i>	Ban hành các chính sách trong hoạt động NCKH SV nhằm khích lệ nhiều hơn nữa số lượng người học của Nhà trường kể cả ở Phân hiệu Thanh Hóa tham gia NCKH. (như tăng kinh phí cho mỗi đề tài, tăng kinh phí cho các đề tài đạt giải...)	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý hoạt động KHCN;	
							Quý II, Hàng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.	
225			<i>Nhà trường cần quan tâm đối sánh các loại hình, kết quả hoạt động NCKH của người học để kịp thời rà soát và có các cải tiến về chính sách và cơ chế thúc đẩy chất lượng NCKH SV.</i>	Đề ra các hành động cải tiến khả thi sau đối sánh các loại hình, kết quả hoạt động NCKH của người học thúc đẩy chất lượng NCKH.	P.KHCN&HTQT	- P.KT&ĐBCLGD; - Các khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Quý II, Hàng năm	- Quy định so chuẩn, đối sánh được rà soát. - Báo cáo so chuẩn và đối sánh hoạt động NCKH hàng năm.	
226	23.4	4/7	<i>Trường cần xây dựng và ban hành riêng các chính sách, cơ chế quản lý riêng về SHTT;</i>	Đề xuất, xây dựng cụ thể quy định về cơ chế quản lý riêng TSTT để phổ biến và hướng dẫn triển khai thực hiện trong quản lý và khai thác TSTT trong Trường theo đúng Quy định của Nhà nước.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy chế quản lý TSTT.	
227			<i>Tăng cường phổ biến, tuyên truyền cho CB, GV, người học về công tác sở hữu trí tuệ;</i>	- Phổ biến CB, GV, người học về các văn bản, quy định, hướng dẫn trên website, và thông qua các buổi tọa đàm, hội thảo;	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý I, Hàng năm	- Thông tin trên website; - Biên bản tọa đàm, hội thảo, hội nghị.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
				- Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN hàng năm.					
228			<i>Cải tiến chính sách và cơ chế để thúc đẩy mạnh mẽ đăng ký và khai thác nhanh TSTT trong Trường.</i>	Tài sản trí tuệ trong Trường được đăng ký, thực hiện và khai thác được quy định rõ ràng trong đó có chính sách và các cơ chế hỗ trợ: Kinh phí, nguồn lực, mạng lưới...	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	- Quy chế quản lý TSTT; - Quy định quản lý hoạt động KHCN.	
229			<i>Nhà trường cần quan tâm cân đối nguồn ngân quỹ để đẩy mạnh chi cho hoạt động NCKH của người học, GV và các nhóm nghiên cứu mạnh đi đôi với việc giám sát kết quả đầu ra của hoạt động NCKH của GV và người học.</i>	Hàng năm, căn cứ vào ưu tiên của Nhà nước, bộ ngành, Nhà trường phân bổ kinh phí cho NCKH của GV nhóm nghiên cứu mạnh và người học phù hợp với nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.	P.KHTC	P.KHCN&HTQT	Quý I, Hàng năm	Bảng phân bổ ngân sách cho từng loại hình.	
230	23.5	4/7	<i>Trường cần có giải pháp tăng cường kết nối, tìm kiếm nguồn tài chính bên ngoài, đặc biệt từ doanh nghiệp và nhà đầu tư để đa dạng hóa đầu tư cho NCKH nhằm tạo bước đột phá, nâng cao kết quả hoạt động chuyển giao.</i>	- Ưu tiên các đề tài dự án, nghiên cứu khoa học có sự tham gia NC của đối tác bên ngoài nhất là các doanh nghiệp và nhà đầu tư; - Có các chính sách để các đơn vị trực thuộc Trường chủ động trong việc tìm kiếm, kết nối hợp tác với các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong NCKH.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý hoạt động KHCN đã được điều chỉnh, bổ sung.	
231			<i>Nhà trường cần có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp trong các quy định về hoạt động KHCN.</i>	Xây dựng, bổ sung Quy định Quản lý các đề tài khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thể hiện được rõ việc tham gia trong quá trình đặt hàng, thực hiện và nghiệm thu chuyển giao các kết quả nghiên cứu.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Quý IV/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định quản lý hoạt động KHCN đã được điều chỉnh, bổ sung.	
232	23.6	4/7	<i>Trường cần hoàn thiện cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu và sáng tạo để xác lập, giám sát và đối sánh, nhất là đối sánh với đối tác trong và ngoài nước về kết quả nghiên cứu và sáng tạo của</i>	Cơ sở dữ liệu được phân loại thành cơ sở dữ liệu nội sinh và cơ sở dữ liệu ngoại sinh và phân loại các loại cơ sở dữ liệu nội sinh làm cơ sở để đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý II, Hàng năm	- Cơ sở dữ liệu nội sinh và cơ sở dữ liệu ngoại sinh; - Báo cáo đối sánh hoạt động KHCN.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			<i>GV, nghiên cứu viên và người học để có các giải pháp phát triển phù hợp.</i>						
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phụ vụ cộng đồng									
233	24.1	5/7	<i>Nhà trường cần xây dựng một hệ thống văn bản hướng dẫn và quy trình giám sát, đối sánh các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD với các chỉ số, chỉ báo cụ thể để từ đó có các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động. Thực hiện đo lường, đánh giá hiệu quả, tác động của hoạt động kết nối PVCD đối với CBGV, nhân viên, người học và tác động xã hội của hoạt động này để không ngừng cải tiến chất lượng kết nối và PVCD.</i>	Định kỳ rà soát Quy định PVCD để bổ sung phần giám sát và đối sánh và thực hiện đo lường, đánh giá hiệu quả, tác động của hoạt động kết nối PVCD.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý III/2024 (Định kỳ rà soát lại, ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định về các hoạt động kết nối và PVCD.	
							Quý IV, Hàng năm	Báo cáo về các hoạt động kết nối và PVCD hàng năm.	
234	24.2	4/7	<i>Nhà trường cần nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học, có hướng dẫn và kế hoạch triển khai phù hợp; thiết kế hệ thống đo lường tác động xã hội của hoạt động PVCD với các chỉ báo và các chỉ số thực hiện cụ thể để định kỳ giám sát, đối sánh và có kế hoạch cải tiến tác động xã hội của các hoạt động PVCD.</i>	Ban hành Kế hoạch hoạt động kết nối và PVCD phù hợp với thực tế triển khai.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý I, Hàng năm	Kế hoạch về các hoạt động kết nối và PVCD	
235				Thiết kế hệ thống đo lường tác động xã hội của hoạt động PVCD với các chỉ báo và các chỉ số thực hiện cụ thể.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý III/2024 (Định kỳ rà soát lại ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định về các hoạt động kết nối và PVCD (trong đó có thiết kế hệ thống đo lường này).	
236				Đưa ra các hành động cải tiến tác động xã hội của các hoạt động PVCD được thể hiện trong báo cáo cuối năm về hoạt động này của Nhà trường.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo về các hoạt động kết nối và PVCD hàng năm.	
237	24.3	4/7	<i>Nhà trường cần xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối PVCD đối với đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và SV của Trường dựa vào các chỉ</i>	Kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm của Nhà trường cần xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối PVCD đối với đội	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý I, Hàng năm	Kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			số, chỉ báo cụ thể và đưa vào các kế hoạch hoạt động hằng năm của Nhà trường.	ngũ cán bộ, GV, nhân viên và SV của Trường dựa vào các chỉ số, chỉ báo cụ thể.					
238			Nâng cao chất lượng các hoạt động NCKH, chuyển giao cho các bên liên quan, Nhà trường cần có khảo sát, phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của các sản phẩm, từ đó cải tiến nhằm đáp ứng tốt hơn các vấn đề của cộng đồng.	Phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của các sản phẩm, hoạt động NCKH, chuyển giao cho các bên liên quan thông qua các báo cáo về Kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm.	P.TCHC	- P.KHCN&HTQT; - P.CTSV.	Quý IV, Hàng năm	Báo cáo về các hoạt động kết nối và PVCĐ hàng năm.	
239			Nhà trường cần thiết kế hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về các kết quả PVCĐ đã thực hiện trong giai đoạn đánh giá, đặc biệt là các kết quả/hiệu quả tác động của các sản phẩm NCKH, CGCN với các địa phương, bao gồm kết quả, hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn đã triển khai trong giai đoạn đánh giá. Ngoài ra, nghiên cứu thực hiện các thỏa thuận hợp tác với các CSGD hoặc thu thập, phân tích CSDL từ các kênh thông tin khác nhau để từ đó thiết lập các mục tiêu chiến lược có liên quan trên cơ sở tham chiếu với sứ mạng và tầm nhìn của Trường.	Rà soát lại Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý III/2023 (Định kỳ rà soát lại ít nhất 01 lần/02 năm)	Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	
240	24.4	4/7		Rà soát lại các Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các kết quả PVCĐ.	P.TCHC	P.KT&ĐBCLGD	Quý III/2023 (Định kỳ rà soát lại ít nhất 01 lần/02 năm)	Mẫu phiếu khảo sát sau rà soát.	
241				Rà soát các giải pháp thực hiện trong Chiến lược về phát triển phục vụ cộng đồng của Nhà trường và đánh giá hiệu quả thực hiện Kế hoạch Phục vụ cộng đồng hàng năm.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc Trường	Quý IV, Hàng năm	- Báo cáo đánh giá thực hiện Chiến lược PVCĐ theo từng năm; - Báo cáo thực hiện hoạt động PVCĐ hàng năm (theo KH đã ban hành đầu năm).	
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường									
242	25.1	4/7	Nhà trường cần cải tiến và hoàn thiện bộ chỉ số tài chính, chỉ số thị trường trên cơ sở tham khảo bộ chỉ số của các trường uy tín trong nước và quốc tế. Quản lý các chỉ số quan trọng, cốt lõi	Rà soát, hoàn thiện bộ chỉ số tài chính và chỉ số thị trường về hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ có sự tham khảo bộ chỉ số của các trường có uy tín trong nước phù hợp với chiến lược phát triển Trường.	P.KHTC (đầu mỗi tổng hợp)	- P.ĐT; - P.TCHC; - P.KHCN&HTQT.	Quý I/2024 (Định kỳ rà soát lại ít nhất 01 lần/02 năm)	Quyết định ban hành bộ chỉ số tài chính, chỉ số thị trường.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			theo chiến lược phát triển Trường;						
243			Tăng cường hợp tác với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước để tăng nguồn thu, phát triển bền vững, và thực hiện được sứ mạng tầm nhìn của Trường; đa dạng hóa nguồn thu thông qua việc cải tiến hoạt động ĐT, NCKH, CGCN, tư vấn và HTQT.	Đưa cơ chế khuyến khích tăng nguồn thu từ các hoạt động NCKH, CGCN, tư vấn và HTQT vào Chiến lược phát triển nguồn thu (do P.KHTC chủ trì)	P.KHCN&HTQT	- P.KHTC; - P.TCHC.	Quý I/2024 (Định kỳ rà soát lại ít nhất 01 lần/02 năm)	- Quy định quản lý hoạt động KHCN; - Chiến lược phát triển nguồn thu được hoàn thiện.	Ảnh xạ đến Tiêu chí: 7.1 và 18.2
244			Trường nên cân đối các mục chi kết hợp cải tiến chính sách để có thể tăng các mục chi cho học bổng sinh viên, chi cho các hoạt động NCKH của GV và người học đáp ứng đúng quy định của Nhà nước.	Nghiên cứu tăng mức chi nhằm thúc đẩy hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.	P.KHCN&HTQT	- P.KHTC; - P.TCHC.	Quý II, Hàng năm	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.	
245			Chú trọng chi cho bồi dưỡng đội ngũ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để có thể nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển NCKH, CGCN và PVCD.	Tăng cường các khoản chi hỗ trợ nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Quý II, Hàng năm	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.	
246	25.2	3/7	Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản trị thông tin; sử dụng thông tin/kết quả đánh giá, phân tích để cải tiến chất lượng.	Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của các hoạt động, trên phân hệ khảo sát của phần mềm QLĐT mới.	P.KHTC	- P.ĐT; - P.KHCN&HTQT; - P.TCHC; - P.KT&ĐBCLGD.	Quý I, Hàng năm	Báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của các hoạt động.	
247			Xây dựng lộ trình và phát triển thương hiệu HUNRE; tăng cường quảng bá, truyền thông để đẩy mạnh gia tăng vị thế của Nhà trường.	Xây dựng lộ trình tham gia đánh giá xếp hạng của Trường trên hệ thống UPM.	P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị trực thuộc	Quý III/2023	Báo cáo đánh giá xếp hạng và gắn sao trên hệ thống UPM.	

B. Các nhiệm vụ triển khai đồng bộ với Chiến lược phát triển chung của Nhà trường

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ CHIẾN LƯỢC									
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất									
1	7.2	4/7	<i>Trường cần có giải pháp nâng cấp không gian thư viện, khu tập thể thao, khu vui chơi giải trí và đảm bảo yêu cầu PCCC, đáp ứng quy mô đào tạo, NCKH và PVCD. Có cơ chế hỗ trợ đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho phân hiệu Thanh Hóa, bố trí các phòng thí nghiệm và trang thiết bị hiện đại đảm bảo an toàn môi trường và phòng chống cháy nổ.</i>	Xây dựng dự án đầu tư nâng cấp CSVC cho Phân hiệu.	Phân hiệu Trường tại Thanh Hóa		Giai đoạn 2025-2028	- Kế hoạch nâng cấp CSVC; - Dự án được phê duyệt (nếu có).	
2	7.3	4/7	- Nhà trường cần đẩy nhanh để án chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng CNTT hơn nữa vào hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD; - Xây dựng hệ thống quản lý và tổ chức đào tạo trực tuyến LMS và hệ thống quản trị Nhà trường hướng tới mô hình đại học thông minh; - Hoàn thiện quy định về đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính cho hạ tầng mạng và thiết bị CNTT; - Tăng cường bảo trì và có kế hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT cho các cơ sở ngoài Hà Nội.	Xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT.	TT.TV&CNTT	- P.QTTB; - P.KHTC.	Giai đoạn 2025-2028	- Kế hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT; - Dự án được phê duyệt (nếu có).	
3	7.5	3/7	- Nhà trường cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đáp ứng khả năng tiếp cận đối với những người có nhu cầu đặc biệt; - Quan tâm bổ sung các phương tiện hỗ trợ người khuyết tật phù hợp khi sửa chữa, cải tạo.	Bổ sung các phương tiện hỗ trợ người khuyết tật khi sửa chữa, cải tạo.	P.QTTB	- P.CTSV; - P.TCHC; - P.KHTC.	Giai đoạn 2025-2028	- Các kế hoạch sửa chữa, cải tạo có tính đến nội dung này. - Danh mục các phương tiện hỗ trợ người khuyết tật, được bổ sung (nếu có).	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại									
4	8.4	4/7	Xem xét, quyết định kiện toàn hoặc sáp nhập để nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Tư vấn dịch vụ TNMT.	Rà soát, xem xét lại chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tư vấn dịch vụ TNMT.	P.TCHC	TT.TVDVTNMT	Quý IV/2025	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ hoặc sáp nhập Trung tâm Tư vấn dịch vụ TNMT.	
III. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG									
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học									
5	13.1	4/7	Mở mới các chương trình đào tạo trình độ TS để giúp người học có các định hướng đào tạo chuyên sâu từ môi trường học thuật của Nhà trường.	Thực hiện mở mới CTĐT trình độ Tiến sĩ.	P.ĐT	Các đơn vị trực thuộc.	Giai đoạn 2025-2028	CTĐT trình độ tiến sĩ	
6	13.5	4/7	Cần có chính sách cân bằng, điều chuyển nguồn kinh phí và nhân lực giữa ngành tuyển sinh tốt và ngành khó tuyển trong Nhà trường.	Xây dựng chính sách nhằm cân bằng, điều chuyển nguồn kinh phí và nhân lực giữa ngành tuyển sinh tốt và ngành khó tuyển trong Nhà trường.	P.ĐT	- P.KHTC; - P.TCHC - Khoa/bộ môn quản lý CTĐT.	Giai đoạn 2025-2028	Quy chế, quy định tuyển sinh của Trường cho các ngành đặc thù trong tuyển sinh.	
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ									
7	19.2	3/7	Trường nên sử dụng các phần mềm về quản lý khoa học, chống đạo văn nhằm giúp công tác quản lý, lưu trữ TSTT được hiệu quả hơn.	Căn cứ vào nhu cầu thực tế và điều kiện của Nhà trường, Trường sẽ cân nhắc sử dụng phần mềm về quản lý khoa học, chống đạo văn nhằm giúp công tác quản lý, lưu trữ TSTT.	TT.TV&CNTT	- P.ĐT; - P.KHCN&HTQT.	Giai đoạn 2025-2028	Phần mềm theo nhu cầu.	
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học									
8	20.1	4/7	Tăng cường tìm kiếm, xúc tiến hợp tác với các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiềm năng để có nhiều các kết quả NCKH được CGCN.	- Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị trong việc hợp tác với các đối tác để xây dựng cập nhật chương trình đào tạo, phối hợp thực hiện nhiệm vụ KHCN hướng tới kết quả nghiên cứu của đề tài được chuyển giao và thương mại hóa; - Chủ động kêu gọi các nhà đầu tư nguồn lực cho NCKH đặc biệt các nhiệm vụ NCKH thương mại hóa.	P.KHCN&HTQT	Các đơn vị trực thuộc	Giai đoạn 2025-2028	Đề tài, dự án nghiên cứu khoa học có kết quả được chuyển giao và thương mại hóa.	

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả kiểm định	Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và HĐKĐCLGD	Nội dung hoạt động cải tiến	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG									
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học									
9	23.1	4/7	Chủ trọng một số chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch phát triển KHCN của Nhà trường, đặc biệt về nguồn thu từ KHCN theo hướng tăng tỷ trọng thu từ chuyển giao trên tổng số thu hợp pháp của Trường	- Khuyến khích và đặt hàng nhóm nghiên cứu mạnh các sản phẩm có khả năng thương mại hóa; - Đặt hàng một số nhiệm vụ KHCN mang tính thực tế căn cứ theo nội dung đặt hàng từ doanh nghiệp.	P.KHCN&HTQT	P.KHTC	Giai đoạn 2025-2028	- Chiến lược 2025, tầm nhìn 2035; - Kế hoạch phát triển KHCN ngắn hạn và dài hạn.	
10	23.3	4/7	Cần sử dụng phần mềm riêng biệt để theo dõi, quản lý cơ sở dữ liệu của các công bố khoa học và các chỉ số trích dẫn.	Phần mềm quản lý thông tin hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường.	TT.TV&CNTT	P.KHCN&HTQT	Giai đoạn 2025-2028	Phần mềm quản lý KHCN.	
11	23.6	4/7	Sớm thành lập các đơn vị hỗ trợ phát triển công nghệ, hỗ trợ đăng ký bản quyền, CGCN;	Căn cứ vào chiến lược, kế hoạch, Nhà trường sẽ thành lập các đơn vị hỗ trợ phát triển công nghệ, hỗ trợ đăng ký bản quyền, chuyển giao kết quả nghiên cứu.	P.TCHC	Các đơn vị trực thuộc	Giai đoạn 2025-2028	Quyết định thành lập doanh nghiệp trong trường đại học.	
12			Thành lập các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp; hình thành các doanh nghiệp để thử nghiệm và xúc tiến thương mại hóa các kết quả NCKH để phát huy thế mạnh sẵn có của Trường trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.	Điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển Trường trong đó có nội dung thành lập doanh nghiệp trong trường đại học.	Hội đồng Trường	Các đơn vị trực thuộc	Giai đoạn 2025-2028	- Quyết định thành lập doanh nghiệp, đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học; - Chủ trương/chính sách của cơ quan quản lý cấp trên.	